



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

11

Tháng 6 - 2018

HỘI THẢO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TOÀN QUỐC “CÁT NGHIÊN THAY THẾ CÁT TỰ NHIÊN - VẬT LIỆU THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG”

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2018



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh phát biểu tại Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI CHÍN

11

SỐ 11 - 6/2018



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Tam Chúc, tỉnh Hà Nam đến năm 2030 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 8

Văn bản của địa phương

- UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố 12
- UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quy trình giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn thành phố 14
- UBND tỉnh Bình Dương quy định về cấp giấy phép xây dựng công trình và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh 16

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH
ĐỖ HỮU LỰC
Phó giám đốc Trung tâm
Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẬN
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài khoa học “Nghiên cứu sử dụng kết cấu bê tông từ nguồn cát biển đặt cốt thanh thủy tinh trong môi trường ăn mòn ven biển” 18
- Nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu hướng dẫn quy hoạch phát triển không gian dọc sông các đô thị miền Bắc Việt Nam” 19
- Hội thảo khoa học công nghệ toàn quốc “Cát nghiên thay thế cát tự nhiên - vật liệu thân thiện môi trường” 21
- Xây dựng xanh - yếu tố cải cách quan trọng để nâng cao tính bền vững môi trường 23
- Trung Quốc: Xu thế xanh và thông minh dẫn dắt các khu cư trú sinh thái mới 29

Thông tin

- Hội thảo tham vấn cuối kỳ “Nghiên cứu thí điểm phương pháp kiểm tra giám sát nước thải” 31
- Hội nghị thẩm định “Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” 32
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận khu vực thị trấn Lam Sơn - thị trấn Sao Vàng và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV 34
- Hội thảo “Xây dựng đô thị thông minh - hướng đến phát triển bền vững” 35
- Môi trường đô thị hiện nay: Những khái niệm cơ bản, vấn đề và đặc điểm quản lý 37
- Kính xây dựng - quá khứ, hiện tại và tương lai 41
- Thành phố Trịnh Châu, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc: 10 động thái chính sách thúc đẩy ngành Xây dựng chuyển đổi nâng cấp 47

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

**Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể
phát triển Khu du lịch quốc gia Tam Chúc,
tỉnh Hà Nam đến năm 2030**

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 526/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Tam Chúc, tỉnh Hà Nam đến năm 2030.

Mục tiêu phát triển:

- Mục tiêu chung: Đến năm 2025, Khu du lịch Tam Chúc cơ bản đáp ứng các tiêu chí của Khu du lịch quốc gia. Phấn đấu đến năm 2030, Khu du lịch Tam Chúc trở thành Khu du lịch quốc gia với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đồng bộ, sản phẩm du lịch chất lượng cao, hình thành thương hiệu khu du lịch, có đóng góp quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cùng với các cụm du lịch phụ cận trở thành trung tâm du lịch hấp dẫn của vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc và cả nước.

Các định hướng phát triển chủ yếu

a) Phát triển thị trường khách du lịch:

- Thị trường khách du lịch nội địa: Tập trung khai thác thị trường khách du lịch từ Hà Nội và các tỉnh lân cận phía Bắc (Hưng Yên, Hòa Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh). Từng bước mở rộng khai thác thị trường khách du lịch từ Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam.

- Thị trường khách du lịch quốc tế: Chú trọng thu hút thị trường khách du lịch đến từ Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc...); các nước trong khu vực ASEAN; Tây Âu (Pháp, Tây Ban Nha, Anh, Đức); Bắc Mỹ

(Mỹ, Canada); Úc và Ấn Độ.

b) Phát triển sản phẩm du lịch

- Bao gồm du lịch văn hóa, tâm linh, lễ hội, tham quan nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng gắn với hệ sinh thái nông nghiệp;

c) Tổ chức không gian phát triển du lịch

- Nguyên tắc tổ chức không gian phát triển du lịch: Khai thác hợp lý giá trị và sự phân bố của hệ thống di tích, các điểm cảnh quan; hình thành các mối liên hệ giữa các phân khu chức năng, giữa các điểm du lịch trong không gian quy hoạch nhằm hình thành không gian kiến trúc, cảnh quan hài hòa, bảo đảm mối liên kết với các điểm du lịch lân cận; hạn chế tối đa việc chuyển đổi đất nông nghiệp và di chuyển dân cư trong khu vực; giảm thiểu tác động đến cảnh quan môi trường và đời sống của người dân trong khu vực quy hoạch.

d) Định hướng phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

- Về cơ sở lưu trú:

+ Nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp với các khu nghỉ dưỡng biệt lập, biệt thự du lịch cao cấp được bố trí hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, kiến trúc phong cách truyền thống, sử dụng vật liệu tự nhiên, đầy đủ tiện nghi sinh hoạt cao cấp, trang thiết bị hiện đại và thân thiện với môi trường.

+ Khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở lưu trú tại nhà dân với các công trình quy mô nhỏ, bảo đảm tiêu chuẩn về vệ sinh, an toàn, an ninh phục vụ khách du lịch.

- Hệ thống chợ, trung tâm thương mại:

+ Xây dựng các trung tâm thương mại, siêu

thị gắn với các tổ hợp khách sạn, khu nghỉ dưỡng; chợ truyền thống tại Trung tâm dịch vụ hậu cần phục vụ hoạt động khu du lịch; hệ thống các siêu thị mini trong Khu vực du lịch cộng đồng Tam Chúc.

đ) Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch

- Về giao thông:

+ Tuyến giao thông đối ngoại: Nâng cấp quốc lộ 21A đoạn từ Tam Chúc đi thành phố Phủ Lý; nâng cấp tuyến tỉnh lộ 74 đoạn đi qua Khu DLQG Tam Chúc tới địa phận Hà Nội; xây dựng tuyến đường T3 từ Tam Chúc kết nối với quốc lộ 1A; xây dựng tuyến đường từ Tam Chúc - Chùa Hương; xây dựng, cải tạo các đoạn của tuyến đường từ quốc lộ 21A (khu vực gần dốc Ba Chồm đến cầu Khả Phong). Nghiên cứu kết nối giao thông với các tuyến đường bộ cao tốc như đường vành đai 5 - vùng Thủ đô Hà Nội, đường Hồ Chí Minh (giai đoạn sau 2030); nghiên cứu đầu tư tuyến Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đính tạo nên hành lang du lịch văn hóa - tâm linh, kết hợp với các điểm danh lam thắng cảnh trong khu vực.

+ Tuyến giao thông đối nội: Hoàn chỉnh các tuyến giao thông nội bộ (đường bộ và đường thủy) kết nối các phân khu chức năng trong Khu DLQG Tam Chúc.

+ Đầu tư xây dựng hệ thống bãi đỗ xe; xây dựng cổng chính Khu DLQG Tam Chúc; cảng đường thủy, bến thuyền đạt chuẩn phục vụ khách du lịch tại khu vực ven sông Đáy đoạn gần cầu Khả Phong.

+ Về cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý rác thải và vệ sinh môi trường: Theo định hướng phát triển chung của ngành và của địa phương, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch qua từng thời kỳ.

e) Định hướng đầu tư

- Giai đoạn trước 2025 tập trung đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật Khu

DLQG Tam Chúc và các dự án thành phần theo các khu chức năng nhằm tìm bước nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa sản phẩm du lịch của Khu DLQG Tam Chúc.

- Huy động hiệu quả mọi nguồn lực để đầu tư phát triển Khu DLQG Tam Chúc, bao gồm vốn hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Nhà nước, Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch, vốn ODA, vốn FDI, vốn từ các tổ chức, doanh nghiệp, thành phần kinh tế trong nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Giải pháp thực hiện quy hoạch:

a) Giải pháp về quy hoạch và quản lý quy hoạch:

- Đề xuất mô hình quản lý Khu du lịch quốc gia Tam Chúc theo quy định của Luật du lịch và các quy định pháp luật liên quan để thống nhất quản lý các hoạt động đầu tư xây dựng, hoạt động khai thác, phát triển và vận hành khu du lịch, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích, thắng cảnh Tam Chúc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; ban hành Quy chế quản lý Khu DLQG Tam Chúc theo Quy hoạch đã được phê duyệt.

- Nghiên cứu lập quy hoạch chung xây dựng Khu DLQG, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong Khu DLQG; giám sát các dự án được duyệt trong Khu du lịch quốc gia bảo đảm theo đúng định hướng quy hoạch.

b) Giải pháp về cơ chế chính sách

- Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế đặc thù của địa phương có thể áp dụng được đối với du lịch Hà Nam nói chung và Khu du lịch quốc gia Tam Chúc nói riêng như miễn giảm thuế đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, nhập khẩu tư liệu sản xuất...

- Đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong công tác thẩm định và phê duyệt đối với các dự án đầu tư du lịch có quan tâm tới bảo tồn cảnh

quan môi trường tự nhiên và gắn kết phát triển du lịch với lợi ích của cộng đồng dân cư.

c) Giải pháp về đầu tư và thu hút vốn đầu tư

- Nghiên cứu và đề xuất ban hành cơ chế thu hút đầu tư, chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư theo hướng khuyến khích các dự án đầu tư đa năng kết hợp dịch vụ du lịch để thu hút các nhà đầu tư chiến lược, hỗ trợ các nhà đầu tư trong công tác đảm bảo hiệu quả đầu tư.

- Đẩy mạnh liên kết, tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến để thu hút nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức, cá nhân trong nước, các nhà đầu tư nước ngoài; các nguồn vốn tài trợ, thúc đẩy phát triển mô hình liên doanh, liên kết phù hợp để huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư phát triển du lịch và bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội.

d) Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Nhà nước hỗ trợ một phần ngân sách để tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nhân lực, đặc biệt tập trung vào đội ngũ quản lý, lao động nghiệp vụ bậc cao.

- Chú trọng đào tạo nghề ngắn hạn nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về du lịch - dịch vụ cho đội ngũ lao động gián tiếp, người dân trong khu vực tham gia các hoạt động kinh doanh du lịch - dịch vụ.

e) Giải pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Xây dựng kế hoạch quản lý môi trường đối với Khu DLQG Tam Chúc và thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là các quy định về thu gom và xử lý nước thải và chất thải rắn; khuyến khích phát triển các sản phẩm du lịch thân thiện với môi trường; khuyến khích ứng dụng công nghệ sạch, công nghệ tái

tạo năng lượng, công nghệ tiết kiệm năng lượng tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong phạm vi Khu du lịch.

- Tập trung triển khai giải pháp thu gom, xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn loại B trước khi xả thải vào môi trường để phòng, chống ô nhiễm, suy thoái nguồn nước và ứng phó với ảnh hưởng bất lợi của biến đổi khí hậu.

- Nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác đá, đất sét, khai thác vật liệu xây dựng, chặt phá rừng làm tổn hại hệ sinh thái tự nhiên trong Khu DLQG Tam Chúc.

- Tăng cường quản lý giám sát, bảo vệ rừng và phát hiện các diễn biến xấu có ảnh hưởng tới diện tích rừng trong Khu DLQG Tam Chúc. Khuyến khích các nhà đầu tư du lịch chủ động nâng cao năng lực, xử lý kịp thời, hiệu quả công tác phòng, chống cháy rừng và sạt lở đất rừng, hạn chế thiệt hại do cháy rừng.

f) Giải pháp ứng dụng khoa học và công nghệ

- Ứng dụng các giải pháp công nghệ năng lượng sạch và thân thiện với môi trường; công nghệ khoa học hiện đại trong công tác bảo tồn tu bổ các công trình di tích lịch sử có giá trị cốt lõi trên địa bàn

- Phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch thông minh, du lịch trực tuyến.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thiết kế các sản phẩm tiện ích thuận tiện hỗ trợ nhu cầu đa dạng về thanh toán của du lịch thông qua hệ thống ngân hàng điện tử.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

**Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh
Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Điện Biên đến năm 2020,
tầm nhìn đến năm 2030**

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 555/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Quan điểm phát triển:

- Phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên đảm bảo phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo nâng cao hiệu quả đầu tư công, tăng cường thu hút nguồn lực đầu tư của các thành phần kinh tế để xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển mạnh du lịch lịch sử, sinh thái gắn với bản sắc văn hóa dân tộc; đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa, phát triển công nghiệp chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng và nguồn thủy điện đóng góp cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo thu hẹp khoảng cách chênh lệch về GRDP/người so với trung bình cả nước, khu vực và chênh lệch thu nhập giữa các nhóm dân cư và lao động trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển kinh tế đảm bảo gắn kết chặt chẽ với tăng cường và củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường củng cố đối ngoại, xây dựng nền hành chính hiện đại.

Điều chỉnh định hướng phát triển các ngành kinh tế:

1. Nông nghiệp:

- Tập trung tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gia tăng giá trị trên mỗi đơn vị diện tích đất, xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, cánh đồng mẫu lớn, sản xuất hàng hóa tập trung theo chuỗi sản phẩm và an toàn thực phẩm.

- Trong 10 - 15 năm tới tập trung phát triển một số sản phẩm chủ lực, như: Lúa gạo, cà phê, cao su, chè, chăn nuôi đại gia súc, bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chế biến lâm sản; Gắn phát triển nông nghiệp với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng thành chuỗi du lịch.

2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

- Phát triển nhanh và vững chắc công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Phấn đấu đến năm 2030, Điện Biên có các cơ sở công nghiệp với quy mô, cơ cấu phù hợp với điều kiện, tiềm năng, lợi thế của tỉnh và có khả năng cạnh tranh cao.

- Tập trung phát triển 4 ngành công nghiệp: (i). Chế biến nông, lâm sản; (ii). Công nghiệp điện; (iii). Sản xuất vật liệu xây dựng; (iv). Khai thác chế biến khoáng sản. Đồng thời duy trì các ngành nghề sản xuất hàng tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ.

3. Phát triển các ngành dịch vụ có trọng tâm, trọng điểm, trong đó trọng tâm là các đô thị và các dịch vụ du lịch, thương mại, tài chính, xuất nhập khẩu, đồng thời nâng cao chất lượng hiệu quả của các dịch vụ công; trọng điểm là phát triển dịch vụ tại các khu du lịch và Bản văn hóa.

- Phát triển thương mại: Từng bước đầu tư hiện đại hóa kết cấu hạ tầng thương mại, tăng cường hợp tác phát triển thương mại biên giới với các nước có chung biên giới.

- Phát triển du lịch: Xây dựng triển khai có

hiệu quả Đề án bảo tồn, phát huy giá trị quần thể tích lịch sử đặc biệt chiến trường Điện Biên Phủ theo quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ - Pá Khoang. Phát triển du lịch nhanh, bền vững, gắn với an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội. Phát triển du lịch của tỉnh phải đặt trong mối quan hệ với du lịch của các tỉnh trong vùng trung du miền núi Bắc Bộ, với thủ đô Hà Nội và các tỉnh biên giới nước bạn. Phát triển các loại hình du lịch chủ yếu: Du lịch lịch sử, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái và du lịch tâm linh.

- Các dịch vụ khác: Phát triển đồng bộ các ngành dịch vụ: Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ vận tải, thông tin, bưu điện, tư vấn kỹ thuật, bất động sản và các dịch vụ xã hội khác.

4. Phát triển giáo dục - đào tạo: Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng đảm bảo các điều kiện để dạy tốt, học tốt, quản lý tốt, tăng cường thực hành và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; phát triển và củng cố mạng lưới trường, đặc biệt quan tâm đến giáo dục vùng cao, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số; đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề cho lao động nông thôn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

5. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng: Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chuẩn đoán và điều trị bệnh, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, tập trung đầu tư để chuẩn hóa và hiện đại các đơn vị y tế hiện có đáp ứng yêu cầu chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân.

6. Phát triển văn hóa - thể dục thể thao và phát thanh truyền hình

- Về văn hóa: Tiếp tục duy trì và phát huy bản sắc văn hóa độc đáo của 19 dân tộc; trong đó tập trung duy trì và phát huy những thiết chế văn hóa xã hội truyền thống của từng dân tộc.

- Về thể dục, thể thao: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nội dung cuộc vận động Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại.

Phát triển thể thao quần chúng trong các cơ quan xí nghiệp, các trường học, lực lượng vũ trang và trong nhân dân.

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ bưu chính, viễn thông, Internet; phát triển hạ tầng viễn thông hiện đại, an toàn có dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ sóng rộng đến vùng sâu, vùng xa, biên giới;

7. Giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội: Huy động sử dụng lồng ghép nguồn lực để thực hiện giảm nghèo bền vững, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các vùng nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng công tác đào tạo, dạy nghề cho người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ đảm bảo an sinh xã hội cho các đối tượng chính sách.

8. Xây dựng đội ngũ cán bộ chính quyền và đoàn thể các cấp: Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, đặc biệt có chính sách ưu tiên bồi dưỡng, đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số cho các cấp, các ngành, cán bộ cơ sở ở các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

9. Phát triển đối ngoại

- Tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện với các tỉnh Bắc Lào. Duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc. Hợp tác với Thái Lan (tỉnh: Nan, Chiềng Rai).

10. Sử dụng hợp lý tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường: Quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm môi trường và cân bằng sinh thái. Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển "năng lượng sạch", "sản xuất sạch".

- Thu gom, xử lý và tái chế rác thải tập trung bằng các công nghệ tiên tiến, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên nước; bảo vệ diện tích đất rừng hiện có, tăng cường trồng mới rừng.

11. Định hướng sử dụng đất đai: Khai thác

hợp lý và sử dụng tiết kiệm hiệu quả quỹ đất; duy trì, bảo vệ, cải tạo, chuyển đổi và mở rộng diện tích đất nông nghiệp; đẩy nhanh khoanh nuôi, trồng rừng phòng hộ, rừng kinh tế đảm bảo phủ xanh đất trống đồi núi trọc; khai thác sử dụng đất phải gắn liền với việc bảo vệ môi trường.

12. Định hướng củng cố quốc phòng - an ninh

- Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng - an ninh, xây dựng củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới.

- Giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội. Phát huy tổng hợp sức mạnh của hệ thống chính trị và sức mạnh của quần chúng nhân dân trong việc đấu tranh kiềm chế, làm giảm tội phạm nhất là tội phạm hình sự buôn bán ma túy, giữ vững an ninh chính trị đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Định hướng phát triển hệ thống đô thị

a) Phát triển thành phố Điện Biên Phủ

- Tập trung đầu tư phát triển toàn diện thành phố Điện Biên Phủ về mọi mặt, từng bước xây dựng Điện Biên Phủ trở thành một đô thị văn minh, hiện đại, an toàn, có cấu trúc kinh tế và đô thị tổng hợp, năng động và linh hoạt, đáp ứng được những yêu cầu phát triển của tỉnh Điện Biên, đồng thời hội nhập với thị trường quốc tế.

- Nâng cấp thành phố Điện Biên Phủ lên thành phố loại 2 trước năm 2020. Triển khai sớm việc xây dựng khu công nghiệp Tây Bắc Điện Biên Phủ để thúc đẩy kinh tế của thành phố phát triển nhanh với cơ cấu dịch vụ - công nghiệp - nông, lâm nghiệp. Xây dựng thành phố Điện Biên Phủ thành trung tâm dịch vụ, du lịch và xuất nhập khẩu của cả tỉnh và cả vùng Tây Bắc, tạo tiềm lực kinh tế cho tỉnh đầu tư phát triển các khu vực khác.

b. Phát triển các đô thị khác:

- Giai đoạn 2016 - 2020: Cụ thể hóa định hướng Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Điện Biên đến năm 2030, nâng cấp toàn diện cơ sở hạ tầng các đô thị trong tỉnh (đạt chuẩn theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP), trong đó thị xã Mường Lay cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV, trở thành đô thị mang đặc trưng truyền thống nhà sàn dân tộc Thái gắn với du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La.

- Giai đoạn 2021 - 2030: Hoàn chỉnh mạng lưới đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng tỉnh. Nâng tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh năm 2030 lên 25 - 30%.

c. Phát triển nông thôn mới:

- Xây dựng nông thôn mới đảm bảo tính kế thừa, phát triển bền vững vừa mang tính hiện đại, vừa giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Điện Biên. Phấn đấu đến năm 2020, 35/116 (30%) xã đạt tiêu chí cơ bản nông thôn mới (15-19 tiêu chí); số tiêu chí đạt theo chuẩn nông thôn mới bình quân đạt 11,3 tiêu chí/xã, không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí; 29 xã biên giới bình quân đạt 13,83 tiêu chí/xã, không có xã nào đạt dưới 10 tiêu chí.

Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

1. Kết cấu hạ tầng kinh tế:

a. Phát triển hệ thống giao thông

- Phát triển đồng bộ hệ thống giao thông trên địa bàn, bảo đảm tính liên hoàn, liên kết trong toàn vùng Tây Bắc và giữa các địa phương trong tỉnh. Chú trọng phát triển giao thông hướng ngoại. Đầu tư phát triển giao thông cho các đô thị, các khu vực sản xuất hàng hóa tập trung, các vùng định canh định cư và vùng biên giới gắn với quốc phòng - an ninh.

- Trong giai đoạn từ nay đến 2020: Tỉnh ưu tiên đầu tư nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường huyện; nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường huyện và đường vành đai biên giới quan trọng vào đúng cấp kỹ thuật.

- Trong giai đoạn 2021 - 2030

+ Đường bộ: Từng bước hiện đại hóa hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh, nhất là giao thông đường bộ;

+ Đường thủy: Xây dựng, nâng cấp các cảng, bến, công trình đường thủy đảm bảo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

b. Phát triển hệ thống cấp điện

- Giai đoạn 2016 - 2020, hoàn thành các dự án thủy điện đã khởi công xây dựng trong giai đoạn 2011 - 2015, tiếp tục khởi công các dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư; đồng thời, đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới đồng bộ hệ thống truyền tải điện và lưới điện hạ thế;

- Giai đoạn 2021 - 2030, tập trung cho nâng cấp mạng lưới truyền tải điện gồm đường cao thế và các trạm, đường truyền tải điện nông thôn, đồng thời phát triển các nguồn năng lượng sạch nhằm đảm bảo an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế xã hội tỉnh Điện Biên và thực hiện quy hoạch phát triển điện lực tỉnh.

c. Phát triển hệ thống cấp, thoát nước

- Khu vực đô thị: về cấp nước, cần xây dựng đồng bộ hệ thống cấp nước cho thành phố Điện Biên Phủ, thị trấn Điện Biên và các vùng lân cận lòng chảo Điện Biên. Xây mới hệ thống cấp nước ở thị trấn Mường Ảng, Nậm Pồ, nâng cấp hệ thống cấp nước ở thị trấn Mường Nhé.

- Khu vực nông thôn: Chú trọng đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt, đặc biệt là cho các xã vùng cao, vùng xa, vùng biên giới, các khu tái định cư và các đồn biên phòng, đồng thời cần nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác sử dụng nước.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến và xây dựng các mô hình cấp nước hợp vệ sinh cho nhân dân khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa vùng đặc biệt khó khăn, xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt ở thành phố Điện Biên Phủ.

2. Kết cấu hạ tầng xã hội

a) Kết cấu hạ tầng văn hóa xã hội

- Giáo dục - đào tạo: Ưu tiên bố trí lồng ghép

các nguồn vốn, nhất là nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, vốn chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững, nguồn thu ngân sách địa phương để thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học, nhà công vụ giáo viên và nhà nội trú học sinh.

- Y tế: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho y tế các tuyến, hệ (khám chữa bệnh và dự phòng).

- Văn hóa, Thể thao, Du lịch: Hoàn thiện trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho chủ trương trình Chính phủ phê duyệt Đề án bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ gắn với phát triển du lịch tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

b. Hạ tầng thông tin và truyền thông

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ bưu chính, viễn thông, Internet; từng bước áp dụng công nghệ mới và kỹ thuật hiện đại, ngầm hóa hệ thống cáp viễn thông ở khu vực thành phố, trung tâm cấp huyện.

- Trong thời kỳ 2016 - 2030, phát triển mạnh mạng thế hệ sau (NGN - Next Generation Network) nhằm cung cấp đa dịch vụ trên một hạ tầng thống nhất.

Các giải pháp thực hiện

- Thực hiện cải cách hành chính, áp dụng các chính sách ưu đãi như: giảm tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu; mở rộng các hình thức đầu tư như BOT, BT.

- Mở rộng các hình thức đào tạo, dạy nghề.

- Đẩy mạnh và ưu tiên ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất.

- Thực hiện các cơ chế phối hợp, hợp tác giữa tỉnh với các bộ, ngành và các địa phương trong và ngoài vùng Tây Bắc.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố**

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND về Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố.

Nguyên tắc công bố giá

- Nhà nước tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Giá công bố dùng để tham khảo trong lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm công khai, minh bạch để phòng chống lãng phí, thất thoát trong hoạt động đầu tư xây dựng, có thể chưa loại trừ các khoản chiết khấu, hoa hồng, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

Nguyên tắc phối hợp

- Thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của các cơ quan quản lý Nhà nước để thống nhất nguyên tắc hoạt động chung của công tác công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thực hiện theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật của mỗi cơ quan, bảo đảm kết quả phối hợp đạt chất lượng và thời gian yêu cầu.

- Cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện khảo sát các thông tin về giá gắn với thông số kinh tế - kỹ thuật cơ bản của hàng hóa vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân; không làm phát sinh thủ tục hành chính và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng quảng bá thương hiệu, giới thiệu

chất lượng sản phẩm thông qua thông tin công bố giá nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Đối với những vấn đề chưa thống nhất ý kiến, cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp báo cáo và đề xuất hướng giải quyết trình UBND thành phố.

Công bố giá vật liệu xây dựng

Sản phẩm, hàng hóa vật liệu công bố giá

- Sản phẩm, hàng hóa vật liệu công bố giá bao gồm các loại vật liệu xây dựng và vật tư được sử dụng phổ biến theo quy định của Bộ Xây dựng.

- Sản phẩm, hàng hóa vật liệu được công bố giá khi đảm bảo đủ điều kiện lưu thông trên thị trường theo quy định.

Giá vật liệu xây dựng công bố

- Giá vật liệu xây dựng công bố là giá niêm yết của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại một thời điểm nhất định, chưa có thuế giá trị gia tăng VAT phù hợp với mặt bằng giá thị trường tại thời điểm công bố; từ các nguồn sau:

+ Thông tin cung cấp của tổ chức, cá nhân có nhu cầu công bố giá vật liệu xây dựng tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp này, giá vật liệu xây dựng công bố tương ứng với tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc và xuất xứ.

+ Báo cáo tình hình giá thị trường của UBND quận, huyện.

+ Thu thập thông tin giá thị trường từ chủ

đầu tư các công trình xây dựng, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố; trang thông tin điện tử của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh mặt hàng đã được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền định giá; tạp chí về giá thị trường, vật tư. Trường hợp này, việc thu thập thông tin được lập thành phiếu khảo sát giá theo mẫu quy định của pháp luật về giá.

Khảo sát thông tin về giá

1. Cơ quan quản lý Nhà nước thực hiện khảo sát các thông tin về giá, bao gồm:

- Tên và kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

- Địa điểm đặt trụ sở chính và nhà máy sản xuất để có cơ sở xác định nguồn gốc và xuất xứ sản phẩm, hàng hóa.

- Thông tin đăng ký doanh nghiệp, chúng nhận đầu tư; thông tin liên lạc của lãnh đạo doanh nghiệp và cán bộ phụ trách (họ và tên, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, số fax (nếu có)) để thuận lợi trong quá trình liên hệ, hướng dẫn thực hiện quy định pháp luật liên quan.

- Danh sách các đại lý phân phối sản phẩm, hàng hóa có đăng ký hoạt động theo pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư (nếu có) để cơ quan quản lý Nhà nước có thể thông tin về địa bàn có đại lý phân phối, nhằm thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu có thể lựa chọn sản phẩm, hàng hóa gần vị trí công trình.

- Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa theo quy định về pháp luật giá hiện hành (giá niêm yết được nêu rõ bao gồm hoặc không bao gồm giá vận chuyển, cự ly vận chuyển, địa điểm giao hàng, số lượng tối thiểu để được vận chuyển, phí và chiết khấu (nếu có)); lý do thay đổi giá trong trường hợp có thay đổi thông tin giá; tệp dữ liệu bảng niêm yết giá định dạng .xls hoặc .doc.

- Tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng của đơn vị sản xuất theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nhãn hàng hóa theo quy định hiện hành.

- Tài liệu thể hiện việc duy trì kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa do đơn vị sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Đối với vật liệu xây dựng thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Chúng nhận hợp quy của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định; bản công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu; thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành nơi đơn vị sản xuất, nhập khẩu đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh; dấu hợp quy được sử dụng trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên bao gói hoặc trên nhãn gắn trên sản phẩm hoặc trong chứng chỉ chất lượng, tài liệu kỹ thuật của sản phẩm theo quy định.

Hình thức công bố giá vật liệu xây dựng

Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng bằng hình thức đăng tải trực tiếp trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

Thời điểm công bố giá vật liệu xây dựng

Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất theo chỉ đạo của Bộ Xây dựng, UBND thành phố, Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 5 năm 2018.

**Xem toàn văn tại
(www.hochiminhcity.gov.vn)**

UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quy trình giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn thành phố

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND Quy định về quy trình giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn thành phố.

Yêu cầu khi giải quyết sự cố công trình xây dựng

- Thực hiện các biện pháp phù hợp để nhanh chóng ngăn chặn, hạn chế và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra; đảm bảo an toàn cho cộng đồng, cho công trình.

- Phân cấp sự cố công trình ngay từ đầu để thực hiện đúng các quy định về báo cáo sự cố, xác định cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền giám định nguyên nhân sự cố.

- Nhanh chóng xác định được nguyên nhân của sự cố, có biện pháp khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, phòng ngừa sự cố khác xảy ra; khôi phục lại việc thi công cũng như khả năng sử dụng bình thường của công trình.

- Chủ động, có tiến độ cụ thể cho từng bước trong công tác giải quyết sự cố.

- Huy động được sự hỗ trợ tốt nhất từ các tổ chức, cá nhân của cộng đồng trong việc giải quyết sự cố.

- Tổng kết, rút ra bài học kinh nghiệm từ sự cố để phổ biến cho các tổ chức, cá nhân có tham gia hoạt động xây dựng.

Trình tự giải quyết sự cố công trình xây dựng

Báo cáo và tiếp nhận báo cáo sự cố công trình xây dựng

1. Khi sự cố xảy ra, chủ công trình và nhà thầu thi công phải thực hiện những việc sau:

- Ngừng thi công, ngừng sử dụng công trình hoặc hạng mục công trình có sự cố;

- Thực hiện các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa sự cố gây ra thiệt hại tiếp theo.

- Thực hiện các biện pháp kịp thời để tìm kiếm, cứu hộ, bảo đảm an toàn cho người và tài sản, hạn chế và ngăn ngừa các nguy hiểm tiếp tục xảy ra. Ghi nhận lại hiện trường sự cố, quay phim, chụp ảnh.

2. Báo cáo sự cố:

- UBND cấp phường, xã, thị trấn ngay sau khi nhận được thông tin từ chủ công trình, phải báo cáo cho UBND cấp quận, huyện, Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và UBND thành phố về sự cố.

- Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự cố xảy ra, chủ công trình phải lập báo cáo nhanh bằng văn bản gửi cho cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm và cho UBND thành phố. Nếu có thiệt hại về người thì chủ công trình còn phải gửi báo cáo cho Bộ Xây dựng.

3. Nội dung báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng gồm:

a) Tên công trình, vị trí xây dựng;

b) Tên các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình;

c) Mô tả sơ bộ về sự cố, tình trạng công trình xây dựng khi xảy ra sự cố, thời điểm xảy ra sự cố;

d) Thiệt hại sơ bộ về người và vật chất.

4. Sau khi nhận được báo cáo, cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm báo cáo sự cố cho Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đối với các sự cố cấp I và các sự cố khác có thiệt hại về người.

5. Kiểm tra sau khi tiếp nhận báo cáo sự cố

- Trong vòng 24 giờ, từ khi nhận được báo cáo sự cố, cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm kết hợp UBND cấp xã tiến hành kiểm tra hiện trường.

- Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm:

+ Xem xét, quyết định đình chỉ thi công hoặc tạm ngừng sử dụng đối với hạng mục công

trình, một phần hoặc toàn bộ công trình tùy theo mức độ và phạm vi sự cố.

+ Xem xét, quyết định việc phá dỡ, thu dọn hiện trường sự cố trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu sau: Đảm bảo an toàn cho người, tài sản, công trình và các công trình lân cận. Hiện trường sự cố phải được các bên liên quan chụp ảnh, quay phim, thu thập chứng cứ, ghi chép các tư liệu cần thiết phục vụ công tác giám định nguyên nhân sự cố và lập hồ sơ sự cố trước khi phá dỡ, thu dọn.

+ Khi xét thấy việc thi công hoàn chỉnh các cấu kiện, bộ phận, hạng mục công trình có tác dụng ngăn ngừa sự cố tiếp diễn, chủ công trình đề xuất cơ quan có trách nhiệm chấp thuận cho thực hiện.

- Nếu là sự cố cấp I, Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thông báo cho Bộ Xây dựng hoặc Bộ quản lý công trình chuyên ngành về tình hình và đề nghị kiểm tra, tổ chức giám định nguyên nhân.

Thực hiện giám định nguyên nhân sự cố

- Cơ quan có trách nhiệm thành lập Tổ điều tra sự cố để tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân sự cố. Tổ điều tra sự cố bao gồm đại diện các đơn vị của cơ quan chủ trì giải quyết sự cố, các chuyên gia về những chuyên ngành kỹ thuật liên quan đến sự cố.

- Trong trường hợp cần thiết, cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức giám định chỉ định tổ chức thực hiện giám định chất lượng công trình phục vụ đánh giá nguyên nhân sự cố và đưa ra giải pháp khắc phục.

Giải quyết sự cố không ảnh hưởng đến công trình khác

- Sau khi sự cố được kiểm tra, sẽ được giải quyết theo trình tự sau:

+ Chủ công trình kiểm tra, đánh giá hậu quả của sự cố đối với công trình;

+ Cơ quan có thẩm quyền tổ chức giám định nguyên nhân;

+ Chủ công trình tổ chức phá dỡ, thu dọn hiện trường

Trường hợp công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng có dấu hiệu nguy hiểm có thể dẫn tới nguy cơ sập đổ nhưng chủ công trình không có biện pháp ngăn ngừa, khắc phục sự cố thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với chủ công trình thực hiện ngay các biện pháp an toàn, bao gồm hạn chế sử dụng công trình, ngừng sử dụng công trình, di chuyển người và tài sản nếu cần thiết, cách ly công trình với khu vực công cộng để bảo đảm an toàn.

+ Chủ công trình và các bên liên quan tổ chức thực hiện khắc phục sự cố theo yêu cầu của cơ quan giám định tại Thông báo kết quả giám định nguyên nhân sự cố;

+ Đơn vị thi công lập lại phương án thi công tiếp tục đảm bảo an toàn;

+ Chủ công trình lập hồ sơ sự cố theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ;

+ Chủ công trình gửi báo cáo kết quả khắc phục sự cố cho cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm và UBND phường, xã, thị trấn để kiểm tra và theo dõi. Nội dung báo cáo kết quả khắc phục sự cố phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong Thông báo kết luận giám định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Sau khi khắc phục sự cố, cơ quan có thẩm quyền quyết định việc tiếp tục thi công hoặc đưa công trình vào sử dụng.

Giải quyết sự cố có ảnh hưởng đến công trình khác

1. Giai đoạn khắc phục bước đầu

- UBND quận, huyện, phường, xã, thị trấn kiểm tra, đánh giá hậu quả của sự cố đối với công trình bị ảnh hưởng.

- Thanh tra viên xây dựng hoặc cán bộ quản lý xây dựng cấp xã lập biên bản ngừng thi công xây dựng công trình. Trong thời hạn 24 giờ mà chủ công trình không ngừng thi công thì Chủ tịch UBND cấp xã ban hành Quyết định đình chỉ thi công công trình hoặc hạng mục công trình có sự cố.

2. Giai đoạn giải quyết sự cố

- Đối với công trình gây ra sự cố giải quyết theo quy định ở trên;

- Đối với công trình bị ảnh hưởng:

+ Trường hợp công trình bị ảnh hưởng và có xảy ra sự cố: thực hiện giải quyết theo quy định ở phần “Giải quyết sự cố có ảnh hưởng đến công trình khác”

+ Trường hợp công trình bị ảnh hưởng nhưng chưa xảy ra sự cố: giải quyết theo quy định về giải quyết tranh chấp về chất lượng công trình theo Điều 22 Thông tư số 26/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

Báo cáo kết quả khắc phục sự cố

- Chủ đầu tư lập báo cáo kết quả khắc phục sự cố gửi cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm chủ trì giải quyết sự cố. Báo cáo nêu rõ kết quả thực hiện những yêu cầu để khắc phục sự cố trong Thông báo kết luận giám định nguyên nhân sự cố.

Cho phép tiếp tục thi công công trình

- Sau khi chủ đầu tư thực hiện xong các nội dung giải quyết sự cố theo quy định ở trên và thỏa thuận bồi thường thiệt hại, nộp tiền bảo lãnh bồi thường thiệt hại theo quy định, cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm sẽ quyết định việc cho phép chủ đầu tư được tiếp tục thi công một phần hay toàn bộ công trình.

- Trường hợp công trình bị đình chỉ thi công bằng Quyết định được ban hành thì việc thi công lại phải được cơ quan ban hành Quyết định đình chỉ thi công ban hành Quyết định giải tỏa (sau khi cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm quyết định cho tiếp tục thi công).

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2018.

Xem toàn văn tại
(www.hochiminhcity.gov.vn)

UBND tỉnh Bình Dương quy định về cấp giấy phép xây dựng công trình và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND quy định về cấp giấy phép xây dựng công trình và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh.

Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng

- Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp I, cấp II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng đã được xếp hạng; những công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; công trình thuộc dự án và các công trình khác do UBND tỉnh giao.

- Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình

Dương; Ban Quản lý khu công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng trong các khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

- UBND cấp huyện cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 2, Điều 103 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và Điểm c, Khoản 2, Điều 17 Thông tư số 15/2016/TT-BXD, trừ các công trình quy định ở trên.

- Việc điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4, 5, Điều 17 Thông tư số 15/2016/TT-BXD .

Quy mô và thời hạn tồn tại của công trình cấp phép xây dựng có thời hạn

1. Quy mô của công trình cấp phép xây dựng có thời hạn

- Công trình cấp phép xây dựng có thời hạn có số tầng tối đa không quá 03 (ba) tầng và chiều cao tối đa không quá 12m; phải phù hợp với kiến trúc, cảnh quan trong khu vực và tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch, xây dựng.

- Trường hợp nhà đầu tư có dự án đảm bảo khả năng thu hồi vốn và tạo hiệu quả cho xã hội trong thời hạn tồn tại quy định thì thực hiện theo quy mô đề xuất của nhà đầu tư.

2. Thời hạn tồn tại của công trình cấp phép xây dựng có thời hạn

- Thời hạn tồn tại của công trình cấp phép xây dựng có thời hạn theo kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Trường hợp chưa có kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng thì thời hạn tồn tại của công trình xây dựng theo thời hạn quy hoạch xây dựng.

- Trường hợp chưa có kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng và thời hạn tồn tại của công trình xây dựng do nhà đầu tư đề xuất bảo đảm việc triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng thì cấp phép có thời hạn theo đề xuất của nhà đầu tư.

Quản lý trật tự xây dựng

- Thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

- Nếu xây dựng sai với giấy phép xây dựng được cấp thì phải bị xử lý vi phạm hành chính

theo quy định hiện hành trước khi đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng.

Thanh tra, kiểm tra

- Sở Xây dựng, UBND huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định này và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Thanh tra Sở Xây dựng; Đội quản lý trật tự đô thị; Lực lượng quản lý trật tự xây dựng xã, phường, thị trấn theo phân cấp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan thanh tra, kiểm tra việc xây dựng trên cơ sở căn cứ các quy định của Quyết định này và giấy phép xây dựng được cấp.

- Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Dương, Ban Quản lý khu công nghiệp Việt Nam - Singapore có trách nhiệm lập kế hoạch kiểm tra trật tự xây dựng trong các khu công nghiệp do mình quản lý, trường hợp phát hiện có sai phạm thì chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý.

- Đối với công trình bí mật nhà nước việc thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2018.

**Xem toàn văn tại
(www.binhduong.gov.vn)**

Nghiệm thu đề tài khoa học “Nghiên cứu sử dụng kết cấu bê tông từ nguồn cát biển đặt cốt thanh thủy tinh trong môi trường ăn mòn ven biển”

Ngày 6/6/2018, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức cuộc họp nghiệm thu đề tài khoa học “Nghiên cứu sử dụng kết cấu bê tông từ nguồn cát biển đặt cốt thanh thủy tinh trong môi trường ăn mòn ven biển”. Đề tài do trường Đại học Xây dựng miền Trung thực hiện, PGS.TS. Vũ Ngọc Anh là chủ nhiệm. GSTS Nguyễn Tiến Chương - Trường Đại học Thủy lợi - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì cuộc họp.

Tại cuộc họp, TS Nguyễn Phan Duy thay mặt nhóm tác giả trình bày tóm tắt Báo cáo thuyết minh đề tài “Nghiên cứu sử dụng kết cấu bê tông từ nguồn cát biển đặt cốt thanh thủy tinh trong môi trường ăn mòn ven biển”. Theo đó, mục tiêu của đề tài là nghiên cứu chế tạo bê tông với cốt liệu mịn từ nguồn cát biển có tính chất cơ, lý phù hợp với các kết cấu bê tông cốt thép nhằm giảm giá thành xây dựng các công trình ven biển hoặc trên các hải đảo và nghiên cứu thực nghiệm quá trình chịu tác động của các cấu kiện bê tông được làm từ cát biển, nước biển, như: Chịu nén, chịu uốn trong môi trường bình thường và trong môi trường nước biển, nhằm nâng cao tuổi thọ của kết cấu bê tông trong các công trình ven biển.

Sau khi nghiên cứu thành phần cát biển tại Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Đề tài kết luận, cát biển tại Tuy Hòa có thành phần tương tự như cát tại các vùng biển Cam Ranh, Nha Trang, tỉnh Bình Định, Đà Nẵng. Các thành phần như SiO_2 , Fe_2O_3 , CaO , MgO , SO_3 là tương đối giống nhau. Duy chỉ có thành phần Al_2O_3 trong cát biển Tuy Hòa có tỷ lệ phần trăm cao hơn so với cát ở các vùng biển Cam Ranh, Nha Trang, Bình Định, Đà Nẵng.

Về thành phần hóa học của nước biển khu vực Phú Yên, kết quả phân tích các thành phần chủ yếu như: Độ PH, hàm lượng muối hòa tan ,



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng
Na⁺, K⁺ cho thấy nước biển Tuy Hòa và nước biển tại các nơi khảo sát là tương đồng. Vì vậy, bảng thiết kế cấp phối bê tông làm từ cát biển, nước biển tại Tuy Hòa, Phú Yên phù hợp với các vùng biển khác như Cam Ranh, Nha Trang, Bình Định, Đà Nẵng.

Kết quả nghiên cứu sự phát triển cường độ và modul đàn hồi của bê tông làm từ cát biển, nước biển cho thấy chúng tương đồng với bê tông truyền thống. Tính linh động và tính tương tác khác của của loại bê tông này cũng không có gì khác biệt so với bê tông truyền thống. Điều này giúp cho việc ứng dụng bê tông làm từ cát biển, nước biển để xây dựng các công trình ven biển, trên các hải đảo là hoàn toàn khả thi.

Sự kết hợp giữa cốt phi kim loại là GFRC và bê tông làm từ cát biển, nước biển đã khắc phục được những nhược điểm của cốt thép khi chịu xâm thực của môi trường biển đó là ăn mòn. Thực nghiệm cho thấy với bê tông cấp độ bền B30, chiều dày lớp bê tông bảo vệ theo đúng tiêu chuẩn, nhưng cốt thép đã bị ăn mòn nhanh chóng, tuổi thọ của kết cấu có thể chỉ được 15 - 20 năm. Trong khi Việt Nam chưa ban hành tiêu chuẩn hay hướng dẫn kỹ thuật, thiết kế, thi công, nghiệm thu kết cấu bê tông cốt phi kim loại, chúng ta hoàn toàn có thể sử dụng tiêu chuẩn

nước ngoài như ACI 440, 1R-06.

Ts Nguyễn Phan Duy cho biết, những kết quả thí nghiệm của đề tài được thực hiện trong thời gian hơn 1 năm, trong khuôn khổ thời gian thực hiện đề tài. Do đó, để triển khai kết quả nghiên cứu của đề tài vào cuộc sống thực tiễn một cách thuyết phục, cần có thêm các nghiên cứu về độ bền của bê tông cát biển, nước biển trong thời gian từ 5-10 năm hoặc lâu hơn nữa.

Tại cuộc họp, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng, các chuyên gia phản biện đưa ra những ý kiến đóng góp ý nhằm giúp nhóm tác giả hoàn thiện Báo cáo. Các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đều nhất trí với sự cần thiết thực hiện các đề tài khoa học “Nghiên cứu sử dụng kết cấu bê tông từ nguồn cát biển đặt cốt thanh thủy tinh trong môi trường ăn mòn ven biển” trong bối cảnh hiện nay khi nguồn cát sông ngày càng khan hiếm và cạn kiệt, hơn nữa kết cấu bê tông từ nguồn cát biển đặt cốt thanh thủy tinh giúp chống ăn mòn cho các công trình ven biển, trên các hải đảo.

Kết luận Hội nghị, GSTS Nguyễn Tiến Chương đánh giá: Nhóm tác giả thuộc trường Đại học Xây dựng miền Trung đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao. Báo cáo được thực hiện công phu, chi tiết, phương pháp nghiên cứu hợp lý, tổ chức nhiều thí nghiệm khác nhau và có bảng kết quả so sánh chi tiết để làm rõ những nội dung đề tài đề cập đến.

GSTS Nguyễn Tiến Chương góp ý nhóm đề tài cần chú ý xem xét, chỉnh sửa những lỗi đánh máy, lỗi sử dụng thuật ngữ khoa học đảm bảo chính xác hơn, đồng thời tiếp thu đầy đủ ý kiến của các thành viên Hội đồng và các chuyên gia phản biện để rà soát, hoàn chỉnh nội dung Báo cáo, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng nhất trí nghiệm thu đề tài khoa học “Nghiên cứu sử dụng kết cấu bê tông từ nguồn cát biển đặt cốt thanh thủy tinh trong môi trường ăn mòn ven biển”, với kết quả đều xếp loại Xuất sắc./.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu đề tài "Nghiên cứu hướng dẫn quy hoạch phát triển không gian dọc sông các đô thị miền Bắc Việt Nam"

Ngày 8/6/2018, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu hướng dẫn quy hoạch phát triển không gian dọc sông tại các đô thị miền Bắc Việt Nam (khu vực ngoài đê đoạn sông đi qua đô thị)” - do Viện Quy hoạch đô thị & nông thôn Quốc gia (VIUP) chủ trì thực hiện. PGS.TS. Nguyễn Tố Lăng, nguyên Phó Hiệu trưởng trường Đại học Kiến trúc Hà Nội chủ trì cuộc họp.

Báo cáo nội dung và kết quả thực hiện đề tài, thay mặt nhóm nghiên cứu, ThS.KTS. Lê Thị Thúy Hà cho biết: Các đô thị miền Bắc Việt Nam với đặc điểm hệ thống sông có đê đã hình thành một hình thái không gian đô thị đặc thù

cả về cảnh quan lẫn khai thác sử dụng đất. Bên cạnh những yêu cầu kỹ thuật phục vụ các chức năng thủy lợi, hành lang thoát lũ, khu vực này còn đảm nhiệm các chức năng khác của đô thị như khu dân cư, bến bãi, đất nông nghiệp, đất dự trữ, nguồn nước... Có thể nói, đây là các khu vực có tiềm năng và giá trị rất lớn của các đô thị. Tuy nhiên, cho tới nay vẫn chưa có một nghiên cứu và hướng dẫn cụ thể nào để sử dụng không gian này một cách hiệu quả và chi tiết. Giải quyết nhiệm vụ vừa nêu, việc triển khai đề tài khoa học rất cần thiết.

Thực hiện các mục tiêu của đề tài, để khảo sát hiện trạng, xác định giá trị và đánh giá những

vấn đề tồn tại cần giải quyết của các không gian đô thị dọc sông, chú trọng vào khu vực ngoài đê tại các đô thị miền Bắc, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn 04 thành phố (Hà Nội, Hải Dương, Việt Trì, Bắc Giang) - các thành phố đều có đoạn sông có đê đi qua khu vực đô thị khá dài so với các địa phương khác của miền Bắc, và tồn tại các vấn đề đặc thù trong việc kiến tạo và sử dụng không gian quỹ đất dọc bờ sông.

Nhóm đã áp dụng phương pháp tổng hợp và phân tích hệ thống xuyên suốt quá trình nghiên cứu, thực hiện thu thập dữ liệu, điều tra và quan sát thực địa, tham vấn các chuyên gia trong những lĩnh vực liên quan, so sánh đối chiếu với kinh nghiệm quốc tế (Hà Lan, Mỹ, Malaysia, Hàn Quốc...).

Sản phẩm của đề tài là một báo cáo khoa học dày hơn 100 trang gồm 3 chương và nhiều Phụ lục đính kèm. Ở chương I “Tổng quan tình hình quy hoạch và khai thác quỹ đất các không gian dọc sông tại các đô thị”, nhóm nghiên cứu đã nhận diện một số vấn đề tồn tại của các khu vực ngoài đê: Mặc dù hệ sinh thái và cảnh quan sông là tài sản lớn của các đô thị, song chưa được Chính quyền và người dân đề cao. Quy mô dân số ngày càng tăng, phát triển tự phát dẫn tới ô nhiễm môi trường; các công trình đô thị như đường bộ, hệ thống cấp điện - nước dễ bị ảnh hưởng khi có thiên tai, chưa có hệ thống phòng chống lũ lụt, trị thủy phù hợp. Từ đó, việc phân vùng và phát triển đô thị cần dựa theo vị trí địa lý với điều kiện ngập lũ và chịu sự chi phối của yếu tố sông nước. Kết hợp nghiên cứu phong tục tập quán, lối sống và phương thức sản xuất, lịch sử tôn giáo các cộng đồng dân cư địa phương, tổ chức những không gian phù hợp với từng trường hợp cụ thể.

Trong chương II “Cơ sở khoa học cho việc xây dựng giải pháp quy hoạch phát triển không gian đô thị và khai thác quỹ đất khu vực dọc



Toàn cảnh cuộc họp nghiệm thu

sông tại các đô thị miền Bắc Việt Nam”, nhóm nghiên cứu đã khái quát hóa các cơ sở về điều kiện tự nhiên khu vực nghiên cứu (đặc điểm địa hình, thời tiết, đặc điểm hệ thống thủy lợi thủy văn, hiện trạng đê kè...), các cơ sở về điều kiện kinh tế - xã hội, cơ sở về hệ sinh thái ven sông, đặc biệt các cơ sở về pháp lý, chính sách, tổng kết những vấn đề bất cập. Từ các cơ sở này, nhóm tổng hợp những hướng tiếp cận cải thiện khu vực phía ngoài đê tại các đô thị (chương III) dựa trên việc tuân thủ nghiêm các quy hoạch chung của từng địa phương và các quy hoạch chuyên ngành, tuân thủ những yêu cầu kỹ thuật thủy lợi về an toàn đê và bảo vệ hành lang thoát lũ, điều kiện thủy văn từng khu vực...

Theo nhận xét chung của toàn Hội đồng, đây là một đề tài hay song rất khó, phạm vi nghiên cứu rộng, khối lượng công việc lớn đã được nhóm nghiên cứu đã hoàn thành tốt, qua đó thể hiện chuyên môn cao của đơn vị chủ trì VIUP. Bên cạnh đó, Hội đồng đóng góp một số ý kiến để nhóm cô đọng và hoàn chỉnh đề tài của mình: Làm rõ nét tiêu biểu của các đô thị được lựa chọn để nghiên cứu, cập nhật một số số liệu nhằm đảm bảo tính chính xác, hàm lượng khoa học của đề tài, lựa chọn ví dụ kinh nghiệm quốc tế cần chú ý tới tính khả thi trong điều kiện Việt Nam. Hội đồng cũng rất đồng tình với kiến nghị tiếp tục mở rộng nghiên cứu cho các khu vực trong đê và

ngoài đê, các đoạn sông đi qua đô thị nhưng không có đê, các khu vực ngoài đê thuộc vùng ven đô và nông thôn... để phát huy hiệu quả và tính thực tiễn của đề tài.

Kết luận cuộc họp, PGS.TS. Nguyễn Tố

Lăng nhất trí với toàn Hội đồng, đánh giá cao nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ của nhóm nghiên cứu và nghiệm thu đề tài với kết quả xếp loại Khá./.

Lê Minh

Hội thảo khoa học công nghệ toàn quốc "Cát nghiên thay thế cát tự nhiên - vật liệu thân thiện môi trường"

Ngày 8/6/2018 tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Hội Bê tông Việt Nam, Trường Đại học Xây dựng Hà Nội và Sở Xây dựng Quảng Ninh đã phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học công nghệ toàn quốc "Cát nghiên thay thế cát tự nhiên - vật liệu thân thiện môi trường", dưới sự bảo trợ của Bộ Xây dựng và UBND tỉnh Quảng Ninh. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh đến dự và phát biểu tại Hội thảo.

Theo tham luận của Bộ Xây dựng tại Hội thảo, nguồn vật liệu có thể thay thế cát tự nhiên ở nước ta rất dồi dào, bao gồm đá mặt, phế thải xây dựng và vật liệu thu hồi thải từ ngành công nghiệp khai thác mỏ; tro xỉ từ các nhà máy nhiệt điện. Tuy nhiên, việc sản xuất cát nghiên từ các vật liệu nói trên để thay thế cát tự nhiên hiện nay chưa nhiều, do một số nguyên nhân về thói quen sử dụng, công tác tuyên truyền chưa tốt, thiếu định mức kinh tế - kỹ thuật liên quan và chưa có cơ chế khuyến khích đẩy mạnh sử dụng cát nghiên trong san lấp mặt bằng và trong xây dựng công trình.

Ông Phạm Văn Bắc - Vụ trưởng Vụ Vật liệu xây dựng (Bộ Xây dựng) cho biết, trong bối cảnh hiện nay, nguồn cung cát tự nhiên không đủ đáp ứng nhu cầu, tình trạng khai thác cát tự nhiên quá mức làm ảnh hưởng đến dòng chảy, gây xói lở nghiêm trọng bờ sông, giá cát tăng cao làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư xây dựng, do đó, việc nghiên cứu các công nghệ, xây dựng cơ chế khuyến khích sản xuất và tiêu thụ cát nghiên thay thế cát tự nhiên, sử dụng phế thải tro xỉ nhiệt điện làm vật liệu xây dựng là rất cần thiết.



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh phát biểu tại Hội thảo

Trên cơ sở định hướng lại các cơ sở khai thác chế biến đá, cát xây dựng, tạo ra cơ chế khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp phát triển đầu tư cát nhân tạo sẽ góp phần cung cấp nguồn cung cát nhân tạo để thay thế cát tự nhiên tại các địa phương, nơi thiếu cát xây dựng. Với nhu cầu thị trường sử dụng cát nhân tạo lớn, đây là cơ hội tốt cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất cát nhân tạo.

Theo báo cáo của tỉnh Quảng Ninh tại Hội thảo, Quảng Ninh có nhu cầu lớn về cát xây dựng và vật liệu san lấp trong thời gian tới. Không có các mỏ cát lớn, nhưng Quảng Ninh có nguồn đất đá thải mỏ than, xỉ thải nhiệt điện rất lớn, có thể nghiên cứu, sản xuất cát nghiên thay thế phục vụ nhu cầu xây dựng, san lấp mặt bằng... Việc nghiên cứu, phát triển sản xuất và sử dụng vật liệu tại chỗ, nhất là từ bãi thải mỏ than, xỉ thải nhiệt điện làm vật liệu xây dựng (cát xây dựng, vật liệu san lấp, gạch xây...) sẽ có ý nghĩa thiết thực, góp phần tiết kiệm tài nguyên, đảm bảo nguồn cung vật liệu xây dựng, tăng hiệu quả kinh tế cho các dự án đầu

tư xây dựng.

Theo PGS.TSKH Bạch Đình Thiên - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, trên thế giới, cát nhân tạo đã và đang được sử dụng phổ biến, không những để thay thế cát tự nhiên đang ngày càng cạn kiệt do trữ lượng dồi dào hơn, dễ sản xuất hơn mà còn do tính chất đặc biệt của nó: hạt cát đồng đều hơn, có thể điều chỉnh môđun và tỷ lệ thành phần hạt theo từng yêu cầu cấp phối cho các loại bê tông khác nhau (như bê tông asphalt, bê tông xi măng, bê tông đầm lăn, bê tông đặc biệt mác cao...). Bên cạnh đó, cát nhân tạo cũng có ít tạp chất, có các thuộc tính tốt hơn (không có bùn và hạt sét, hạt dày hơn, chống mài mòn tốt hơn, có tính thấm thấu thấp) và đặc biệt là thân thiện với môi trường.

Theo nghiên cứu của Viện Vật liệu xây dựng (Bộ Xây dựng), việc sản xuất và sử dụng cát nghiền thay thế cát tự nhiên để sản xuất bê tông và vữa xây dựng đã được nhiều nước trên thế giới áp dụng, đặc biệt là các khu vực thiếu nguồn cát tự nhiên. Đây là xu hướng tất yếu trên thế giới và tại Việt nam trước tình hình cát tự nhiên ngày càng cạn kiệt, nhu cầu xây dựng ngày càng cao. Qua các nghiên cứu thử nghiệm cho thấy, cát nghiền là vật liệu có chất lượng tốt, có thể sử dụng để sản xuất bê tông và vữa xây dựng, các vùng thiếu cát tự nhiên ở nước ta đều có nguồn nguyên liệu phù hợp cho sản xuất cát nghiền. Tùy theo mục đích sử dụng, cát nghiền có thể thay thế một phần (hỗ hợp cát tự nhiên và cát nghiền) hoặc 100% cát tự nhiên để sản xuất bê tông và vữa xây dựng. Khi cát nghiền có chất lượng đáp ứng yêu cầu quy định của tiêu chuẩn, bê tông và vữa sử dụng cát nghiền có chất lượng tương đương với bê tông và vữa sử dụng cát tự nhiên.

Tại Hội thảo, các nhà quản lý, nhà khoa học, các doanh nghiệp đã trình bày các tham luận, các nghiên cứu và chia sẻ nhiều thông tin hữu ích về các cơ chế chính sách, nghiên cứu khoa học, các công nghệ đang áp dụng trong



Toàn cảnh Hội thảo

sản xuất, sử dụng cát nghiền, tro xỉ nhiệt điện làm vật liệu xây dựng trên thế giới cũng như ở nước ta hiện nay.

Phát biểu tại Hội thảo, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh đánh giá cao ý tưởng cũng như chất lượng của Hội thảo này do Sở Xây dựng Quảng Ninh, Trường Đại học Xây dựng và Hội bê tông Việt Nam phối hợp tổ chức.

Theo Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh, nước ta đang trong quá trình phát triển, tốc độ đô thị hóa tăng nhanh, nhu cầu đầu tư xây dựng là rất lớn. Để đáp ứng nhu cầu xây dựng, trong bối cảnh nguồn cát tự nhiên ngày càng khan hiếm do hệ thống thủy điện trên các dòng sông, tình trạng khai thác quá mức cát tự nhiên làm suy thoái môi trường, làm xói lở bờ sông ở nhiều địa phương, thì việc nghiên cứu, sản xuất và sử dụng vật liệu thay thế cát tự nhiên là hết sức cần thiết. Thông qua các tham luận tại Hội thảo này, chúng ta thấy, tiềm năng về sản xuất, ứng dụng cát nghiền thay thế cát tự nhiên và sản xuất vật liệu xây dựng từ phế thải tro xỉ nhiệt điện ở nước ta là rất lớn. Đã có nhiều công trình nghiên cứu trong nước về sản xuất cát nghiền từ đá cát kết, phế thải khai thác than, sản xuất cốt liệu từ phế thải xây dựng, sử dụng tro xỉ nhiệt điện làm vật liệu xây dựng ứng dụng cho san nền, sản xuất bê tông tươi, bê tông cấu kiện, bê tông nhựa, bê tông đầm lăn, làm vữa xây, gạch xây... đảm bảo tính năng kỹ thuật, đảm bảo chất lượng công trình, tận thu tài

nguyên từ hoạt động khai thác khoáng sản, tận dụng phế thải từ hoạt động khai thác than, sản xuất nhiệt điện, góp phần tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Bên cạnh việc đề nghị các địa phương tích cực ủng hộ doanh nghiệp đầu tư sản xuất các loại vật liệu thay thế, trong đó có cát nghiền; các nhà khoa học tiếp tục tìm tòi, nghiên cứu

những vật liệu thay thế mới, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh cho biết, Bộ Xây dựng sẽ sớm hoàn thiện khung pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn và định mức kinh tế kỹ thuật cho việc mở rộng sử dụng cát nghiền thay thế cát tự nhiên trong các lĩnh vực xây dựng./.

Minh Tuấn

Xây dựng xanh - yếu tố cải cách quan trọng để nâng cao tính bền vững môi trường

Qua nhiều nghiên cứu xây dựng xanh, các nhà khoa học đã định hình hướng phát triển xây dựng xanh tại Liên bang Nga nói riêng, và trên toàn thế giới nói chung. Việc hệ thống hóa và tổng quát hóa các dữ liệu về xây dựng xanh giúp các chuyên gia thuộc Ủy ban Xây dựng xanh của Nga xác lập một số biện pháp cải thiện hiệu quả năng lượng và an toàn sinh thái của các tòa nhà/ công trình nhằm giải quyết vấn đề toàn cầu - nâng cao tính bền vững của môi trường sống trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và kiến trúc.

Năm 2016 được coi là năm “ấm” nhất trong lịch sử khí hậu Trái đất. Nhiệt độ trung bình trên bề mặt của hành tinh cao hơn gần 1 K so với giữa thế kỷ trước. Các nhà khoa học khẳng định nguyên nhân chính của hiện tượng nóng lên toàn cầu chính là tiến bộ công nghệ. Hoạt động trong lĩnh vực công nghệ của con người đòi hỏi việc đốt nhiên liệu ngày càng nhiều - điều này dẫn tới sự gia tăng hàm lượng khí nhà kính trong khí quyển, trở thành một yếu tố khiến nhiệt độ tăng lên. Những bất thường về khí hậu sẽ là tác nhân của những rủi ro mang tính toàn cầu (khủng hoảng nước, thiên tai, điều kiện thời tiết cực đoan, biến đổi khí hậu).

Nhiệm vụ quan trọng nhất trong giai đoạn hiện nay là giảm thiểu rủi ro toàn cầu và nâng cao mức an toàn sống cho người dân

Các tòa nhà/ công trình - kết quả từ hoạt động xây dựng nhằm thực hiện các chức năng

tiêu dùng nhất định - tác động đáng kể tới môi trường xung quanh. Khi đáp ứng nhu cầu của bản thân về môi trường sống thông qua việc xây dựng các công trình khác nhau, đồng thời tiêu thụ nguồn năng lượng không tái tạo và tác động tới môi trường sinh thái, loài người cần nỗ lực bảo vệ chức năng của hệ sinh thái trên Trái Đất, đảm bảo sự phát triển bền vững vì các thế hệ tương lai.

Công cụ hiệu quả để nâng cao tính bền vững của môi trường sống chính là xây dựng các công trình xanh

Xây dựng xanh đang phát triển theo nhiều xu hướng. Các giải pháp cải tiến về các công trình có mức tiêu thụ năng lượng thấp vẫn đang được nghiên cứu và ứng dụng tích cực trong thực tế hiện nay. Những yếu tố của công trình xanh - mái nhà xanh và các mặt dựng xanh - không ngừng được hoàn thiện. Kiến trúc bền vững sinh thái của các thành phố đang được định hình. Nâng cao hiệu quả năng lượng thông qua việc cải thiện chế độ nhiệt của các công trình dân dụng và hệ thống mặt dựng của các công trình này có ý nghĩa thực tiễn vô cùng quan trọng. Để tính toán đầy đủ và chính xác hơn những đặc tính tiêu thụ của công trình, các chuyên gia đã và đang tiếp tục nghiên cứu những hệ thống mới trong đánh giá xếp hạng tính bền vững của môi trường sống.

Các khía cạnh nêu trên của xây dựng xanh đã được phân tích trong rất nhiều tài liệu, ấn

phẩm của Nga và quốc tế. Tuy nhiên, cho tới nay vẫn chưa có phân tích định hướng các công việc và hệ thống hóa dữ liệu về xây dựng các công trình xanh. Điều này khiến nhiệm vụ xác định hướng phát triển xây dựng xanh tại Nga và các quốc gia khác trở nên cấp thiết. Tính cấp thiết của chủ đề càng được nhấn mạnh trong bối cảnh năm 2017 được chọn là năm sinh thái của Liên bang Nga.

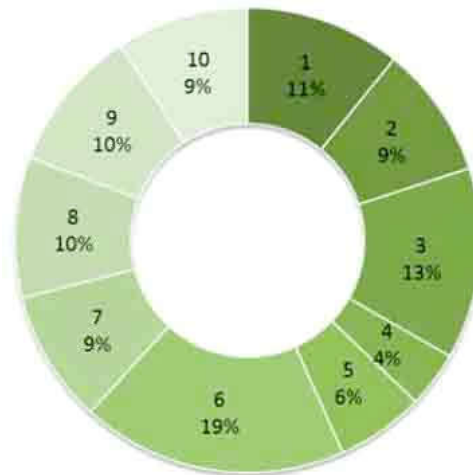
Xây dựng xanh tức là xây dựng các công trình có tác động tối thiểu đến môi trường xung quanh. Mục tiêu chính của xây dựng xanh là giảm mức tiêu thụ các nguồn tài nguyên năng lượng và vật liệu, đồng thời đảm bảo các điều kiện tiện nghi của không gian bên trong trong suốt vòng đời công trình, từ các khâu khảo sát kỹ thuật, thiết kế, xây dựng, đến vận hành, sửa chữa, tái thiết và phá dỡ.

Thực tiễn xây dựng các công trình xanh đã mở rộng và bổ sung cho các dự án xây dựng truyền thống bằng các khái niệm về ích lợi, tính kinh tế, tuổi thọ và sự tiện nghi

Ý tưởng cơ bản của việc xây dựng các công trình xanh chính là nâng cao tính bền vững của môi trường sống thông qua việc giảm thiểu tác động chung của các công trình xây dựng tới môi trường và sức khỏe con người.

Các khía cạnh chủ chốt của xây dựng xanh là:

- Quản lý môi trường;
- Cơ sở hạ tầng và chất lượng không gian bên ngoài;
- Chất lượng của kiến trúc và quy hoạch của công trình;
- Tính tiện nghi, tính sinh thái của không gian bên trong;
- Chất lượng an toàn vệ sinh và xử lý chất thải;
- Sử dụng nước hợp lý và điều hòa lượng nước mưa;
- Tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả;
- Bảo vệ môi trường xung quanh trong quá



1. Tính tiện nghi & chất lượng không gian bên ngoài
 2. Chất lượng kiến trúc và quy hoạch của công trình
 3. Tính tiện nghi và sinh thái của không gian bên trong
 4. Chất lượng an toàn vệ sinh và xử lý rác thải
 5. Sử dụng nước hợp lý
 6. Tiết kiệm năng lượng & hiệu quả năng lượng
 7. Ứng dụng năng lượng tái tạo và năng lượng thay thế
 8. Sinh thái trong xây dựng, vận hành và xử lý công trình
 9. Hiệu quả kinh tế
 10. Chất lượng chuẩn bị và quản lý dự án
- Mười tiêu chí cơ sở trong bảng đánh giá tính bền vững của môi trường sống của Ủy ban Xây dựng xanh Liên bang Nga

trình xây dựng, vận hành và xử lý công trình;

- Tính an toàn sống.

Một cách tiếp cận tương tự song có quy mô nhỏ hơn là sử dụng vật liệu xây dựng tự nhiên tại chỗ.

Sự phát triển của xây dựng xanh đang đi theo hướng cải tiến các giải pháp kiến trúc và xây dựng, cải thiện chất lượng không gian bên trong, hoàn thiện các phương pháp đánh giá hiệu suất năng lượng của các công trình xây dựng, giảm chi phí xây dựng, nâng cao hiệu quả trang thiết bị kỹ thuật của công trình.

Các công trình xanh giúp giảm hiệu ứng “đảo nhiệt” thông qua việc cân bằng nhiệt độ bề mặt của các công trình trong môi trường đô thị.

Sự phát triển khái niệm công trình có mức tiêu thụ năng lượng gần bằng 0

Một trong những xu hướng xây dựng xanh của Nga và thế giới là sự phát triển khái niệm về một công trình với mức tiêu thụ năng lượng bằng 0 (zero-energybuilding, ZEB). Đó là công trình hiệu quả năng lượng cao có thể tự tạo ra năng lượng từ các nguồn tái tạo và tiêu thụ với khối lượng tương đương trong suốt cả năm. Nếu lượng năng lượng sản sinh ra ít hơn lượng cần tiêu thụ, công trình được xếp loại có mức tiêu thụ năng lượng gần bằng 0 (nearzero-energy-building, nZEB).

Tòa nhà hành chính đầu tiên có mức tiêu thụ năng lượng bằng 0 đã được đưa vào sử dụng tại Berlin, CHLB Đức vào năm 2013. Tòa nhà hai tầng được thiết kế với tổng mức tiêu thụ năng lượng hàng năm thấp hơn tổng năng lượng từ các nguồn tái tạo. Theo các kết quả giám sát, tổng lượng điện tiêu thụ thực tế hàng năm của tòa nhà gần khớp với các số liệu theo thiết kế. Đồng thời, có một sự khác biệt đáng kể giữa giá trị thiết kế và giá trị tiêu thụ điện thực tế theo từng chỉ số riêng biệt. Sự chênh lệch trong việc tiêu thụ điện chủ yếu liên quan đến các đặc điểm của tòa nhà và hành vi của con người.

Những thay đổi mới nhất trong các tiêu chuẩn châu Âu về xây dựng tiết kiệm năng lượng đều liên quan đến việc áp dụng hai yêu cầu cơ bản - chi phí năng lượng tối ưu và tiêu hao năng lượng đối với các công trình nZEB. Mặc dù giữa chúng có sự liên đới, song yêu cầu về chi phí năng lượng tối ưu chủ yếu dựa trên các chi phí, trong khi các yêu cầu về tiêu thụ năng lượng dựa vào sự đánh giá các đặc tính năng lượng và việc sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo. Kết quả của nhiều nghiên cứu đã cho thấy khả năng chuyển đổi từ các công trình khả thi về mặt tiết kiệm năng lượng thành các công trình nZEB mà không cần nhiều chi phí, bằng cách kết hợp các khái niệm trên cũng như thông qua việc sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo và mức cách nhiệt hiệu quả của “lớp vỏ”

các công trình.

Phân tích việc xây dựng các công trình có mức tiêu thụ năng lượng bằng 0 của Nga và thế giới cho thấy hiệu quả rõ rệt bởi các lý do như thân thiện với môi trường (không phát thải khí độc hại vào khí quyển); tính kinh tế (khả năng hoàn vốn); hiệu quả năng lượng (giảm đáng kể các nguồn năng lượng cần tiêu thụ).

Mái xanh - yếu tố quan trọng của kiến trúc bền vững sinh thái

Vấn đề cấp thiết trong xây dựng dân dụng hiện nay liên quan tới việc áp dụng các công nghệ tiên tiến trong tiết kiệm năng lượng và an toàn sinh thái. Một trong những phương thức hiệu quả là phủ xanh các mặt dựng và mái nhằm điều tiết nhiệt độ và độ ẩm trong công trình. Ưu điểm của phương thức này là hình thành một lối sống khỏe mạnh tại các thành phố lớn thông qua các biện pháp hấp thụ bụi, giảm mức độ tiếng ồn và bảo vệ các kết cấu bao che tránh tác động của bầu khí quyển.

Một yếu tố quan trọng của “lớp vỏ” giữ nhiệt của một công trình xanh là mái xanh. Đó là một kết cấu bao che có nhiều lớp, bao gồm: Tấm sàn bằng bê tông cốt thép, lớp chống thấm cơ bản, lớp cách nhiệt bằng bọt xốp polystyrene ép, lớp vải địa kỹ thuật, các lớp thoát nước và lọc nước, lớp đất, lớp thảm thực vật.

Tùy theo từng loại thảm thực vật, việc phủ xanh mái có thể chia thành hai nhóm - phủ xanh theo chiều sâu và chiều rộng. Phủ xanh theo chiều sâu dựa vào việc áp dụng các thực vật có chiều cao, có hệ rễ phát triển (vườn trên mái); với biện pháp này có thể cần lớp đất lớn dày tới 1 m. Một mái nhà như vậy về nguyên tắc sẽ đòi hỏi sự chăm sóc thường xuyên của những người có chuyên môn. Phủ xanh theo chiều rộng, trái lại, không yêu cầu việc chăm sóc có hệ thống, và để trồng cây cỏ chỉ cần một lớp đất hoặc phân hữu cơ tối thiểu. So với phủ xanh theo chiều sâu, phủ xanh theo chiều rộng đơn giản hơn về mặt thiết kế.

Những ưu điểm cơ bản của mái xanh là:

- Giảm thiểu hiệu ứng “đảo nhiệt” nhờ cân bằng nhiệt độ của các bề mặt; vào mùa hè, sự gia tăng diện tích mái xanh có thể làm giảm đáng kể nhiệt độ trung bình của toàn thành phố;

- Giảm chi phí sưởi ấm công trình trong mùa lạnh do khả năng kháng truyền nhiệt cao của các kết cấu; các công trình có mái xanh luôn tiệm cận các tiêu chuẩn của nhà thụ động;

- Giảm chi phí làm mát và điều hòa không khí của các công trình trong mùa nóng nhờ sự bay hơi tự nhiên của khí ẩm;

- Giảm đáng kể mức ô nhiễm không khí, tăng cường tổng hợp oxy, qua đó cải thiện điều kiện tiện nghi trong thành phố, giảm bớt số người bị nhiễm các bệnh dị ứng, bệnh hen;

- Giảm tiếng ồn nhờ khả năng hấp thụ âm thanh, trong đó, lớp đất chủ yếu hấp thụ âm thanh tần số thấp, và lớp thực vật hấp thụ âm thanh tần số cao;

- Giảm lượng khí ẩm xâm nhập vào hệ thống thoát nước mưa; các lớp mái được phủ xanh có thể tẩy sạch nước mưa, kể cả các kim loại nặng.

Nhược điểm căn bản của mái xanh là chi phí ban đầu rất lớn so với các mái thông thường. Việc xây dựng mái xanh khiến kết cấu thêm phức tạp. Khi tái thiết và cải tạo nhiệt các công trình sẽ nảy sinh một số hạn chế liên quan tới tải trọng bổ sung lên bộ khung hiện tại của công trình (do tải trọng của lớp phủ xanh). Đối với một số loài thực vật, rất cần duy trì độ ẩm thường xuyên của lớp đất trong khi cần bảo vệ cả công trình tránh nhiễm ẩm. Việc ứng dụng các lớp bổ sung (thoát nước, lọc nước,...) dẫn đến chi phí xây dựng tăng cao.

Đã có nhiều nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước về vấn đề cải thiện các đặc tính năng lượng và sinh thái của mái xanh, trong đó, các đặc điểm kết cấu của mái xanh của nhà ở và công trình công cộng trong các điều kiện khác nhau về độ ẩm và khí hậu, các mùa khác nhau trong năm đã được nghiên cứu. Dựa vào các kết quả nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm, việc đánh giá ảnh hưởng từ các

yếu tố mái (nền, vật liệu cách nhiệt, loại thực vật) tới các tính chất lý - nhiệt của kết cấu được thực hiện; ảnh hưởng của các kết cấu mái xanh đối với các đặc tính năng lượng của các công trình và hướng cải thiện các tính chất này được xác định rõ.

Các mặt dựng xanh - tiềm năng lớn để tiết kiệm năng lượng

Cùng với các mái xanh, ứng dụng các mặt dựng xanh rất quan trọng trên thực tế. Hiệu quả cải thiện mức độ cách nhiệt của các hệ thống mặt dựng được bảo đảm nhờ:

- Giảm thất thoát nhiệt qua các kết cấu bao che và lớp vỏ giữ nhiệt riêng biệt, do đó giảm lượng nhiệt lượng cần;

- Cải thiện mức nhiệt trong các căn phòng, do giảm cường độ trao đổi nhiệt bức xạ và đối lưu trên bề mặt bên trong của các kết cấu bao che;

- Giảm ô nhiễm môi trường do giảm phát thải các chất độc hại vào khí quyển.

Phủ xanh các mặt dựng giúp giảm nhẹ chế độ nhiệt trong xây dựng đô thị bằng cách tạo bóng râm, làm mát bằng sự tỏa hơi, và cách nhiệt. Các nghiên cứu tự nhiên được thực hiện trong mùa hè trên các mặt dựng của một số công trình tại Berlin (Đức) cho thấy: So với những bức tường không được phủ xanh, việc giảm nhiệt độ của bề mặt ngoài của tường xanh đạt 15,5 K; bề mặt bên trong - 1,7 K (được đo vào buổi đêm).

Đặc biệt, việc xây dựng các công trình có mặt dựng xanh tại các vùng khí hậu khô nóng có ý nghĩa thực tiễn quan trọng. Bức xạ mặt trời cường độ cao khiến điều kiện sinh hoạt bên trong các công trình kém tiện nghi do quá nóng; do vậy vấn đề cải thiện các đặc tính năng lượng của các hệ thống xây dựng trở nên vô cùng cấp thiết.

Các nghiên cứu thử nghiệm mặt dựng xanh tại Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE) cho thấy: Vào tháng Bảy ban ngày, mặt dựng được phủ xanh có thể bảo đảm nhiệt độ trung bình thấp hơn 5 K so với các mặt dựng

không được phủ xanh, qua đó cải thiện các đặc tính năng lượng của tòa nhà và giảm mức tiêu thụ năng lượng để làm mát.

Nhiều nghiên cứu cho thấy: Mái nhà truyền thống với màu sắc tối có tác động nhiệt lớn nhất đối với không gian bên ngoài. Mái nhà màu sáng làm giảm đáng kể mức tải nhiệt khi làm giảm nhiệt độ bề mặt bên ngoài của kết cấu do phản xạ bức xạ mặt trời cao. Sự cân bằng nhiệt độ tối đa được mái xanh đảm bảo, chủ yếu do tích tụ nhiệt vào lớp bề mặt lớn. Nhìn chung, cần lưu ý hiệu ứng nhiệt thấp hơn của các mặt dựng so với mái, đó là do giá trị thấp hơn của tổng bức xạ mặt trời trên bề mặt thẳng đứng của các mặt dựng. Hệ thống mặt dựng với lớp trát mỏng để giữ nhiệt sẽ có tác động nhiệt lớn hơn tới môi trường xung quanh. Việc ứng dụng một lớp gạch ốp sẽ đẩy mạnh quá trình cân bằng nhiệt độ trên bề mặt bên ngoài của kết cấu. Tác động nhiệt tối thiểu rất điển hình cho các hệ thống mặt dựng thông gió treo.

Các kết quả thu được cho phép đánh giá tương đối chính xác mức độ tác động nhiệt của các kết cấu bao che đối với không gian bên ngoài. Có thể có một đánh giá chính xác hơn nếu áp dụng mô hình số sự truyền nhiệt trong điều kiện động trong kết cấu.

Phát triển bền vững trong xây dựng cũng có nghĩa là sử dụng các vật liệu thân thiện môi trường có mức cách nhiệt cao. Việc tổng hợp các công nghệ tiết kiệm năng lượng hiện đại dựa trên việc sử dụng các vật liệu cách nhiệt sợi tự nhiên dưới dạng gai dầu kỹ thuật, lanh và đay kết hợp với mặt dựng xanh và mái xanh đang là vấn đề cấp thiết hiện nay.

Xây dựng bằng rơm có những ưu điểm như khả năng tái chế, giảm lượng khí thải CO₂ trong khí quyển và vật liệu sẵn có tại chỗ.

Nâng cao hiệu quả năng lượng khi cải tạo nhiệt các mặt dựng của công trình

Cải tạo nhiệt các công trình dân dụng rất quan trọng về mặt thực tiễn.

Hệ thống mặt dựng của các công trình hiện

đại có những đặc thù riêng. Trước hết, hiệu quả duy trì nhiệt của các thành phần vỏ không đồng đều, và sự thiếu cân bằng này đang tăng lên. Ảnh hưởng của các yếu tố hai và ba chiều trong kết cấu gia tăng đáng kể, sự phân bố nhiệt độ không đồng đều trên bề mặt bên trong của kết cấu, tính đồng nhất về kỹ thuật nhiệt của các kết cấu bao che giảm đi. Để xác định các bất thường về nhiệt độ và các hư hại, cần tính toán các trường nhiệt độ ba chiều và nghiên cứu các giải pháp kết cấu mới.

Tiếp theo, vai trò của độ ẩm cũng tăng lên. Nếu trên tường mịn, sự phân bố độ ẩm có thể thuận lợi hơn, thì trong các khu vực rìa kết cấu bao che, điều kiện độ ẩm kém đi rất nhiều, và quan trọng là làm tăng sự phức tạp trong tính toán sự truyền nhiệt và độ ẩm trong điều kiện động trong các yếu tố ba chiều của kết cấu bao che.

Một vấn đề nữa: Việc xây xếp tường ngoài, đặc biệt từ các thành phần hạt nhỏ, là một quy trình dễ thấm khí. Sự xâm nhập của không khí ngoài trời vào mùa lạnh dẫn tới sự suy giảm đặc tính giữ nhiệt của các kết cấu bao che. Không khí trong nhà thoát ra qua các kết cấu tường cũng khá nguy hiểm.

Gia công với gam màu tối các tường ngoài và mái là một nguồn nhiệt bổ sung, đặc biệt ở vùng khí hậu nóng, do sự hấp thụ bức xạ mặt trời. Tất cả điều này dẫn đến “ô nhiễm” nhiệt của môi trường xung quanh trong suốt cả năm.

Tất cả các đặc điểm nêu trên rất quan trọng cần tính toán khi tiến hành cải tạo các công trình. Đó là việc cải thiện điều kiện về nhiệt độ - độ ẩm của tường ngoài, nghiên cứu các giải pháp kết cấu hiệu quả của các mối nối giữa các kết cấu bao che nhằm cân bằng nhiệt độ trên bề mặt bên trong, giảm mức thẩm thấu khí qua các mạch xây, cải thiện điều kiện tiện nghi của không gian trong các căn phòng, tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu quả năng lượng của các công trình.

Cải tạo nhiệt các công trình xây dựng là một công cụ hiệu quả để nâng cao an toàn kỹ thuật

nhiệt, an toàn năng lượng và an toàn sinh thái của các công trình.

Đánh giá xếp hạng tính bền vững của môi trường sống - công cụ cải tiến để thúc đẩy xây dựng xanh

Không thể đạt được mục tiêu giảm lượng năng lượng tiêu hao trong GDP và đảm bảo sử dụng các nguồn năng lượng và tài nguyên năng lượng một cách hợp lý, có trách nhiệm đối với môi trường sinh thái nếu không đổi mới cơ sở tiêu chuẩn pháp lý hiện hành. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu các tiêu chuẩn mới trong lĩnh vực tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu quả năng lượng, an toàn sinh thái của các công trình cần hội nhập với các tiêu chuẩn châu Âu.

Để hoàn thiện khung pháp lý hiện hành, một hệ thống đánh giá xếp hạng công trình xanh bền vững đã được Ủy ban Xây dựng xanh của Liên bang Nga nghiên cứu và mới đây đã được áp dụng vào thực tế xây dựng trong nước.

Các yêu cầu của hệ thống xếp hạng đều hướng tới việc giảm thiểu mức tiêu thụ các tài nguyên năng lượng; sử dụng các nguồn năng lượng phi truyền thống, năng lượng tái tạo và năng lượng thứ cấp; sử dụng nước hợp lý; giảm các tác động có hại tới môi trường xung quanh trong quá trình xây dựng và khai thác công trình (gồm cả các khu vực kề cận xung quanh), đồng thời bảo đảm môi trường sống tiện nghi cho con người, và lợi nhuận kinh tế tương đương của các giải pháp kiến trúc, kết cấu và kỹ thuật.

Tiêu chuẩn xếp hạng:

- Quy định các quy tắc, tiêu chí, tiêu chí đánh giá, các chỉ số về tính bền vững của môi trường sống, cũng như các giá trị của các chỉ số nhằm đánh giá xếp hạng công trình;

- Bao gồm hệ thống các chỉ tiêu cơ bản, trong trường hợp cần thiết có thể điều chỉnh bằng các hệ số hoặc bổ sung bằng các thông

số thể hiện đặc điểm công trình và xã hội, đặc điểm kinh tế, năng lượng, khí hậu khu vực hoặc địa phương;

- Thiết lập các mức bền vững của môi trường sống đối với nhà ở và công trình công cộng đã được xây dựng, cải tạo hoặc sửa chữa cơ bản, cũng như đối với hồ sơ thiết kế các công trình.

Tiêu chuẩn phổ biến cho tất cả các hình thức nhà ở và công trình công cộng được thiết kế, xây dựng và đưa vào sử dụng với các chức năng mục đích khác nhau.

Tính bền vững của môi trường sống trong hệ thống được đánh giá bằng mười tiêu chí cơ bản, trong đó, tiêu chí "tiết kiệm năng lượng và hiệu quả năng lượng" là quan trọng hơn cả.

Mỗi tiêu chí được thể hiện bằng một nhóm tiêu chuẩn nhất định. Mỗi tiêu chuẩn được biểu thị bằng một hoặc một nhóm các chỉ số. Mỗi chỉ số có định nghĩa bằng số dưới dạng tham số, chuỗi tham số hoặc đặc tính tham số, tương ứng với điểm số đánh giá. Tổng các điểm số đánh giá theo từng tiêu chí sẽ xác định giá trị điểm của cả tiêu chí.

Tổng điểm của tất cả các tiêu chí sẽ xác định giá trị chung (tích hợp) tính bền vững trong chất lượng môi trường sống, giá trị bằng số của tổng này được mặc định là "yếu tố S" ("yếu tố bền vững" - sustainability factor).

Đánh giá xếp hạng cuối cùng về tính bền vững của môi trường sống dựa trên tổng giá trị S thu được. Tùy theo tổng số điểm thu được từ kết quả xác định yếu tố S, dự án (công trình) sẽ được công nhận về cấp độ bền vững của môi trường sống./.

Sergei Kornienko

Nguồn: AVOK (tạp chí thường kỳ của Ủy ban Xây dựng xanh - Nga) số 3/2017

ND: Lê Minh

Trung Quốc: Xu thế xanh và thông minh dẫn dắt các khu cư trú sinh thái mới

Khi tiến trình đô thị hóa kiểu mới tại Trung Quốc không ngừng được đẩy nhanh, năm 2016 Quốc vụ viện Trung Quốc đưa ra “Những ý kiến đi sâu thúc đẩy xây dựng đô thị hóa kiểu mới”, trong đó yêu cầu cần kiên trì đi theo con đường đô thị hóa kiểu mới mang bản sắc Trung Quốc, lấy trọng tâm là đô thị hóa con người, lấy việc nâng cao chất lượng làm cốt lõi, nâng cao toàn diện chức năng đô thị, thúc đẩy xây dựng đô thị kiểu mới như đô thị thông minh, đô thị xanh, đô thị lành mạnh..., nâng cao mức dịch vụ công cộng tại đô thị.

Xây dựng khu cư trú thông minh là một bộ phận cấu thành quan trọng trong xây dựng đô thị thông minh, mang đặc trưng ích nước lợi dân rõ nét, nó không những thực hiện vị trí quan trọng trong 5 triết lý lớn là “đổi mới, phối hợp, xanh, cởi mở, chia sẻ” mà còn là động thái quan trọng thúc đẩy xây dựng đô thị thông minh, nâng cao chất lượng đời sống cư dân tại các khu cư trú và thực hiện mong muốn của đông đảo người dân về cuộc sống tốt đẹp.

Chính vì vậy, xây dựng khu cư trú xanh thông minh đang trở thành xu thế mới sản sinh đúng thời cơ trong bối cảnh hiện nay.

Tại sao lại là khu cư trú xanh thông minh?

Khu cư trú xanh thông minh phải có đủ hai đặc điểm:

Thứ nhất là xanh. Xây dựng các tiểu khu nhà ở hoàn toàn mới trên nguyên tắc bảo đảm tính tuần hoàn tốt đẹp của hệ thống sinh thái, lấy cơ sở là nền kinh tế xanh, với nội hàm xã hội xanh, với sự hỗ trợ của kỹ thuật xanh, với tiêu chí môi trường xanh, đồng thời cần giảm hao phí tài nguyên, bảo vệ hệ thống sinh thái, vô hại đối với sức khỏe con người, thoải mái lành mạnh, công trình phát triển bền vững.

Thứ hai là thông minh. Lợi dụng các kỹ thuật công nghệ thông tin thời đại mới như mạng internet, điện toán đám mây, mạng vạn vật kết

nốt (Internet of Things), thiết bị đầu cuối thông minh..., thông qua nhận thức tự động, truyền phát kịp thời, phát hành kịp thời, tích hợp chia sẻ các nguồn thông tin liên quan chặt chẽ đến đời sống của người dân, thực hiện số hóa, mạng lưới hóa, thông minh hóa, tương tác hóa và hợp tác hóa trong 7 yếu tố lớn của người dân “ăn, ở, đi lại, du lịch, mua sắm, vui chơi, sức khỏe” tại khu cư trú

Những khó khăn khi xây dựng khu cư trú xanh thông minh

Không thể phủ nhận, từ khi nhà nước Trung Quốc thúc đẩy xây dựng đô thị thông minh, khu cư trú thông minh đã có rất nhiều thành quả đạt được, tuy nhiên hiện tại việc xây dựng khu cư trú thông minh vẫn tồn tại rất nhiều vấn đề cần giải quyết.

Sự thiếu sót trong thống nhất tiêu chuẩn khiến cho việc xây dựng nền tảng thống nhất trong công nghệ thông tin hóa khu cư trú thông minh đã gặp phải sự ngưng trệ. Trong phương diện biên soạn tiêu chuẩn, hiện nay chỉ đưa ra 4 bộ tiêu chuẩn như “Bộ ứng dụng kỹ thuật số hóa trong xây dựng và khu cư trú số 1: Yêu cầu hệ thống thông dụng”..., số lượng khá ít, mặc dù hơn 10 tiêu chuẩn đang trong quá trình biên soạn, ví dụ như “Tiêu chuẩn đánh giá xây dựng khu cư trú thông minh”..., do đó vẫn còn một thời gian khá dài để công bố, mở rộng và thực thi.

Phạm vi xây dựng các khu cư trú xanh thông minh khá hẹp. Từ đơn lẻ tới phổ cập, hoàn toàn không phải quá trình biến đổi về lượng đơn giản, mà là một quá trình biến đổi về chất hết sức khó khăn. Các dữ liệu báo cáo có liên quan cho thấy, toàn Trung Quốc có 300 nghìn tiểu khu, chỉ nói riêng về tỷ lệ xanh hóa, bình quân chỉ có 38% cơ bản đáp ứng tỷ lệ xanh hóa khu cư trú, rất khó đạt tới mức độ thoải mái, càng khó đạt tới mức sinh thái bền vững. Nhìn từ số lượng, lấy thành phố Bắc Kinh làm ví dụ, tính

đến năm 2016, thành phố Bắc Kinh có hơn 7.200 tiểu khu, đến cuối năm 2017, chỉ có 12 tiểu khu ký thỏa thuận xây dựng các dự án mẫu tiểu khu thông minh, trong đó chỉ có 3 tiểu khu thông minh tiến hành xây dựng thí điểm trước.

Công tác xây dựng khu cư trú thông minh phát triển tới hiện tại vẫn còn thiếu các mô hình phù hợp, do đó cần nhận thức đầy đủ rằng khu cư trú thông minh là phương hướng gia tăng giá trị nghiệp vụ của nhà vận hành kinh doanh, là sản phẩm của sự kết hợp giữa dịch vụ khu cư trú và dịch vụ truyền thông.

Cùng xây dựng khu cư trú xanh thông minh

Trong giai đoạn hiện nay, quán triệt thực hiện yêu cầu của nhà nước Trung Quốc về phát triển chất lượng cao, đáp ứng mong muốn của người dân về cuộc sống tốt đẹp, cần lấy thông minh hóa cơ sở hạ tầng, tiện lợi hóa các dịch vụ công cộng và chi tiết hóa việc quản lý xã hội làm trọng điểm, làm tốt việc quản lý dịch vụ khu cư trú, lấy bảo đảm và cải thiện đời sống người dân làm điểm xuất phát và điểm dừng chân, xây dựng các khu cư trú xanh thông minh mang lại lợi ích cho người dân.

Cần phát huy đầy đủ nguồn lực và tài nguyên địa phương, khi địa phương triển khai thí điểm tiêu chuẩn khu cư trú thông minh, cần đôn đốc chính quyền địa phương, các doanh nghiệp và hộ dân cùng tham gia, tìm tòi các kỹ

thuật mới để ứng dụng mô hình mới trong các gia đình và khu cư trú, đưa ra hệ thống đánh giá tiêu chuẩn hoàn thiện.

Ngoài ra, trên cơ sở tiêu chuẩn thống nhất, xây dựng mô hình phát triển có thể lặp lại, đồng thời căn cứ tình hình thực tế các địa phương, phân tích cụ thể để tiến hành bản địa hóa mô hình, dẫn dắt và thúc đẩy sự phát triển lành mạnh và tích cực của ngành công nghệ thông tin trong các công trình và khu cư trú.

Thông qua mô hình chuyên nghiệp hóa, thông minh hóa, tiêu chuẩn hóa, xây dựng cuộc sống thông minh, lấy xây dựng khu cư trú thông minh làm nền tảng, tiếp đó đưa vào trong xây dựng đô thị thông minh kiểu mới.

Khi tiến hành xây dựng khu cư trú mới, cũng cần xem xét tới việc cải tạo xanh hóa, thông minh hóa khu cư trú vốn có. Chính quyền và thị trường cần phối hợp hài hòa lẫn nhau, tăng cường xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ nhân tài trong lĩnh vực khu cư trú xanh thông minh, kiên trì sự chỉ đạo lý luận đúng đắn, dựa vào tình hình thực tế, lấy con người làm gốc, đưa việc mở rộng thực hiện khu cư trú xanh thông minh làm mục tiêu./.

Lã Thụy Thụy

Nguồn: Báo Xây dựng Trung Quốc,

ngày 28/5/2018

ND: Kim Nhạn

Hội thảo tham vấn cuối kỳ "Nghiên cứu thí điểm phương pháp kiểm tra giám sát nước thải"

Ngày 30/5/2018 tại Hà Nội, Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và Bộ Xây dựng đã phối hợp tổ chức Hội thảo tham vấn cuối kỳ "Nghiên cứu thí điểm phương pháp kiểm tra giám sát nước thải đối với chỉ số phát triển bền vững SDG 6.3.1 tại Việt Nam". Đại diện Bộ Xây dựng, Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật, PGS.TS. Mai Thị Liên Hương phát biểu khai mạc Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có đông đảo chuyên gia trong nước và quốc tế, đến từ Tổ chức JICA (Nhật Bản), WHO, các cơ quan chuyên môn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng Hà Nội, Công ty Thoát nước Hà Nội, trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Hội Cấp thoát nước Việt Nam, Trung tâm quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn...

Phát biểu tại Hội thảo, Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Mai Thị Liên Hương cho biết, tiếp theo Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDGs), Chương trình khung Chỉ số phát triển bền vững (SDGs) đã được Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua vào tháng 9/2015 với 17 mục tiêu và 169 chỉ tiêu cụ thể cần giải quyết toàn diện trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường. Trong số đó, mục tiêu số 6 (SDG 6) nhằm đảm bảo cung cấp và phát triển bền vững dịch vụ nước sạch và vệ sinh cho tất cả mọi người. Mục tiêu SDG 6 có 03 mục tiêu thành phần, trong đó SDG 6.3 nhằm cải thiện chất lượng nước thông qua giảm ô nhiễm, cấm đổ thải và giảm thiểu xả thải các chất hóa học và vật liệu độc hại, giảm tỷ lệ nước thải chưa xử lý xuống còn 1/2 và tăng cường đáng kể tái chế, tái sử dụng an toàn nước thải trên toàn cầu vào năm 2030. Trong mục tiêu SDG 6.3 có chỉ tiêu SDG 6.3.1 về tỷ lệ nước thải được xử lý an toàn.

Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã đề xuất dự thảo quy trình chuẩn cho Phương pháp đánh giá



Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Mai Thị Liên Hương phát biểu khai mạc Hội thảo

từng bước đối với chỉ số SDG 6.3.1, và tiến hành áp dụng thử nghiệm tại 05 quốc gia, trong đó có Việt Nam. Với vai trò là tổ chức đã và đang tiến hành nhiều dự án và góp phần cải thiện vệ sinh môi trường tại Việt Nam, JICA Nhật Bản đã quyết định phối hợp với WHO để tiến hành thử nghiệm phương pháp giám sát của WHO đối với chỉ số SDG 6.3.1 tại Việt Nam. Trong quá trình thử nghiệm, JICA đã có sự phối hợp chặt chẽ với Cục Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng) - cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải đô thị và khu dân cư tập trung trên phạm vi cả nước. Công việc thử nghiệm được bắt đầu từ tháng 10/2017.

Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã được nghe thuyết trình của ông Rifat Hossain - đại diện Tổ chức WHO về Khung phát triển mang tính biến đổi nhằm đạt được Chỉ số phát triển bền vững (SDG) về nước sạch và vệ sinh môi trường và nước thải, và nội dung chính của Hội thảo là Báo cáo về Phương pháp luận và kết quả nghiên cứu thí điểm giám sát chỉ số SDG 6.3.1 do nhóm nghiên cứu của JICA thực hiện trong thời gian qua.

Theo Báo cáo khảo sát của JICA, một trong những vai trò quan trọng nhất của công tác giám sát chỉ số SDG 6.3.1 không chỉ là giám sát tình trạng nước được xử lý an toàn trên toàn cầu, mà

còn góp phần cải thiện quản lý môi trường nước tại mỗi quốc gia. Ví dụ, bằng việc giám sát chỉ số SDG 6.3, các nhà hoạch định chính sách, các tổ chức thực hiện dự án và người dân mỗi quốc gia có thể hiểu và nhận thức hiện trạng môi trường nước và điều kiện xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công - thương nghiệp cũng như tiến độ cải thiện chất lượng nước xung quanh và xử lý nước thải. Mục tiêu khảo sát của JICA là đề xuất phương pháp giám sát phù hợp, khả thi và xác định những khó khăn và các vấn đề quan trọng để tiến hành các hoạt động giám sát liên quan đến SDG 6.3.1 tại Việt Nam và đóng góp thông tin phản hồi để hoàn thiện phương pháp giám sát đề xuất đối với chỉ số SDG 6.3.1 của WHO.

Các đại biểu tham dự cũng tham gia thảo luận, đề nghị nhóm dự án làm rõ thêm một số nội dung về phương pháp khảo sát, thu thập số liệu..., đồng thời cũng đề xuất một số giải pháp bổ sung cho phương pháp giám sát để đảm bảo khả thi với điều kiện Việt Nam.

Phát biểu kết luận Hội thảo, Cục trưởng Mai Thị Liên Hương đánh giá cao báo cáo khảo sát



Toàn cảnh Hội thảo

thí điểm của nhóm chuyên gia JICA, cho thấy bức tranh khá tổng thể về công tác xử lý nước thải cũng như đề xuất phương pháp giám sát chỉ tiêu nước thải tại Việt Nam.

Cục trưởng Mai Thị Liên Hương cũng đánh giá cao vai trò quan trọng của các cơ quan, bộ ngành hữu quan trong dự án này trong việc phối hợp chỉ đạo, cung cấp số liệu. Đồng thời mong muốn các cơ quan liên quan tiếp tục phối hợp với dự án trong các giai đoạn tiếp theo./

Minh Tuấn

Hội nghị thẩm định “Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”

Ngày 30/5/2018, tại trụ sở Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị thẩm định “Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định - đại diện các cơ quan chuyên môn của các Bộ, ngành liên quan và các Hội, Hiệp hội chuyên ngành. Vụ trưởng Vụ Quy hoạch kiến trúc (Bộ Xây dựng), Chủ tịch Hội đồng thẩm định Trần Thị Hằng chủ trì Hội nghị.

Trình bày dự thảo thuyết minh Nhiệm vụ, đại diện tư vấn Nhật Bản NIKKEN cho biết, ngày 29/7/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 36/2017/QĐ-TTg về việc thành lập Khu kinh tế Thái Bình, thuộc tỉnh Thái Bình, do

đó việc lập quy hoạch chung xây dựng KKT Thái Bình là đặc biệt cần thiết nhằm kiện toàn bộ máy quản lý, xây dựng chính sách, kế hoạch, huy động các nguồn vốn đầu tư hạ tầng và sản xuất kinh doanh trong KKT, hoàn thiện quy hoạch xây dựng các khu chức năng, chuẩn bị quỹ đất và kế hoạch tái định cư.

Phạm vi lập quy hoạch KKT Thái Bình có diện tích 30.583ha, phía Bắc giáp thành phố Hải Phòng qua sông Hóa, phía Nam và phía Tây Nam giáp tỉnh Nam Định qua sông Hồng, phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp một số xã thuộc huyện Thái Thụy và huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Quy hoạch KKT Thái Bình hướng đến các

mục tiêu: Khai thác tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí KKT trong kết nối kinh tế, thương mại, dịch vụ với các địa bàn lân cận, góp phần thu hẹp khoảng cách khu vực này với các vùng khác của đồng bằng sông Hồng và cả nước, kết hợp thu hút đầu tư phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh quốc phòng, bảo tồn và phát huy giá trị hệ sinh thái biển, các di tích lịch sử, văn hóa trong khu vực.

Bên cạnh đó, quy hoạch chung KKT Thái Bình hướng đến xây dựng và phát triển khu vực này thành KKT tổng hợp đa ngành mang tính đột phá của tỉnh Thái Bình. Trong đó ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp tận dụng được lợi thế, tiềm năng của khu vực về nguồn khí thiên nhiên và nguồn nguyên liệu, liên kết với các KKT, khu công nghiệp đã phát triển trong vùng đồng bằng Sông Hồng, đồng thời kết hợp phát triển các ngành nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển đô thị, dịch vụ du lịch phù hợp với tiềm năng và nhu cầu của khu vực, tạo việc làm, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng thu nhập cho người dân.

KKT Thái Bình được quy hoạch với tính chất là KKT tổng hợp được vận hành theo quy chế riêng biệt nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và vùng đồng bằng Bắc Bộ, là trung tâm kinh tế biển, đa ngành đa lĩnh vực, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện đại, đồng bộ gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và bảo đảm an ninh quốc phòng.

Đại diện công ty NIKKEN cho biết, nội dung nghiên cứu lập quy hoạch KKT Thái Bình bao gồm: Phân tích đánh giá hiện trạng, tiền đề phát triển KKT; định hướng phát triển không gian KKT; định hướng quy hoạch sử dụng đất; định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật; đánh giá môi trường chiến lược; đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư; sơ bộ nhu cầu vốn và nguồn lực thực hiện.

Bên cạnh đó, quan điểm lập quy hoạch cũng được NIKKEN nêu rõ, đó là: Phát triển KKT Thái Bình đạt được các mục tiêu phát triển đã được Thủ tướng Chính phủ đề ra tại Quy hoạch xây



Toàn cảnh Hội nghị

dựng vùng Duyên hải Bắc Bộ đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bằng Sông Hồng, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thái Bình và Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thái Bình; phát triển KKT Thái Bình theo hướng xanh, hiện đại, văn minh, hài hòa và bền vững, đảm bảo cân bằng sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, mang bản sắc tỉnh Thái Bình; hình thành KKT có cấu trúc không gian đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm trong đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội; phát triển KKT Thái Bình đảm bảo tính kế thừa, không gây ảnh hưởng đến các dự án đầu tư đã và đang triển khai, tôn trọng, bảo tồn các giá trị truyền thống, các di sản văn hóa, lịch sử của địa phương và gắn liền với đảm bảo an ninh quốc phòng.

Tại Hội nghị, các thành viên Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng đóng góp ý kiến giúp đơn vị tư vấn hoàn chỉnh dự thảo thuyết minh Nhiệm vụ, trên các lĩnh vực: Thương mại, môi trường, nông nghiệp, văn hóa, du lịch, quốc phòng an ninh, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Trần Thị Hằng đề nghị đơn vị tư vấn cập nhật và phân tích rõ hơn hiện trạng sử dụng đất của KKT Thái Bình theo ranh giới đã được xác định trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, làm rõ vai trò, vị trí của KKT Thái Bình trong mối quan hệ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thái Bình, đồng thời đưa ra dự báo về quy mô

dân số, tỷ lệ đô thị hóa ở KKT, chú trọng công tác quản lý môi trường và kiểm soát môi trường trong KKT theo quan điểm phát triển kinh tế nhưng không làm ảnh hưởng đến môi trường và cảnh quan thiên nhiên.

Bà Trần Thị Hằng yêu cầu đơn vị tư vấn tiếp

thu đầy đủ ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng thẩm định, nhanh chóng hoàn thiện Báo cáo, gửi UBND tỉnh Thái Bình trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt./.

Trần Đình Hà

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận khu vực thị trấn Lam Sơn - thị trấn Sao Vàng và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV

Ngày 31/5/2018, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận khu vực thị trấn Lam Sơn - thị trấn Sao Vàng và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV. Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Cục trưởng Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) Nguyễn Tường Văn chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có lãnh đạo UBND tỉnh Thanh Hóa, đại diện Văn phòng Quốc hội, các Bộ, ngành, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành là thành viên Hội đồng thẩm định.

Trình bày tóm tắt Đề án, đại diện Sở Xây dựng Thanh Hóa cho biết, khu vực thị trấn Lam Sơn - thị trấn Sao Vàng và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Thọ Xuân là vùng đất giàu truyền thống văn hóa, lịch sử với điểm nhấn là di tích lịch sử Lam Kinh - Khu di tích quốc gia đặc biệt. Đây cũng là địa bàn kinh tế trọng điểm của tỉnh Thanh Hóa với thế mạnh phát triển công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, tiền thân là các nông trường Lam Sơn, Sao Vàng sau đó hình thành nhà máy mía đường Lam Sơn và hiện nay là các dự án công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao đang triển khai.

Ngoài ra, khu vực thị trấn Lam Sơn - thị trấn Sao Vàng và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Thọ Xuân có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển ngành dịch vụ, du lịch, vận tải với đầu mối là cảng hàng không Thọ Xuân với đường bay

quốc tế đi Thái Lan, các đường bay kết nối các đô thị phát triển kinh tế, du lịch trọng điểm phía Nam, kết nối tương đối hoàn chỉnh qua hệ thống đường bộ các địa phương trong và ngoài tỉnh.

Khu vực nghiên cứu lập Đề án là toàn bộ địa giới hành chính của 5 đơn vị, gồm: Thị trấn Lam Sơn, thị trấn Sao Vàng, các xã: Xuân Lam, Thọ Xương, Xuân Bái và một phần diện tích các xã: Thọ Lâm, Xuân Phú, Xuân Thắng, với tổng diện tích là 4.911,27ha. Dân số khu vực lập Đề án là 60.351 người, trong đó dân số thường trú là 45.148 người, dân số quy đổi là 15.203 người.

Đại diện Sở Xây dựng Thanh Hóa, mục tiêu của Đề án nhằm xây dựng đô thị Lam Sơn - Sao Vàng thành đô thị tương hỗ cho thành phố Thanh Hóa và Khu kinh tế Nghi Sơn, đồng thời phát triển toàn diện khu vực thị trấn Lam Sơn - thị trấn Sao Vàng và khu vực dự kiến mở rộng, hướng tới nâng cấp huyện Thọ Xuân thành thị xã.

Căn cứ các tiêu chí về phân loại đô thị được quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị đối với khu vực thị trấn Lam Sơn - thị trấn Sao Vàng và khu vực dự kiến mở rộng, các số liệu thống kê theo các chuyên ngành do các cơ quan chuyên môn cung cấp, Đề án đưa ra số điểm địa phương tự đánh giá là 88/100 điểm, đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV. Tuy nhiên, theo tiêu chuẩn đô thị loại IV, khu vực thị trấn Lam Sơn - thị trấn

Sao Vàng và khu vực dự kiến mở rộng vẫn còn một số tiêu chuẩn chưa đạt như: Cơ sở y tế cấp đô thị, mật độ đường giao thông tính đến chiều rộng đường đạt 7,5m trở lên; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt chuẩn kỹ thuật; nhà tang lễ.

Tại Hội nghị, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng thẩm định đã đánh giá và góp ý về các lĩnh vực như: Phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, công thương, môi trường, văn hóa thể thao, du lịch... nhằm giúp Sở Xây dựng Thanh Hóa hoàn chỉnh Báo cáo.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nguyễn Tường Văn cho biết, những năm qua, UBND tỉnh Thanh Hóa đã dành nhiều sự quan tâm cho phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn, thể hiện ở các chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa cũng như trong các quy hoạch của tỉnh.

Theo ông Nguyễn Tường Văn, khu vực thị trấn Lam Sơn - thị trấn Sao Vàng và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Thọ Xuân có nhiều thế mạnh để phát triển kinh tế xã hội, như có hệ thống đường giao thông phát triển với tuyến đường Hồ Chí Minh, sân bay quốc tế, đặc biệt là di tích lịch sử Lam Kinh - Khu di tích quốc gia đặc biệt, thúc đẩy triển du lịch cho khu vực. Tuy nhiên, ông Nguyễn Tường Văn cũng nêu lên một số lĩnh vực, chỉ tiêu còn hạn chế và đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa, UBND huyện Thọ Xuân



Toàn cảnh Hội nghị

chú trọng khắc phục, như: Mật độ đường giao thông trong khu vực; chiếu sáng đô thị; thoát nước và xử lý nước thải; hạ tầng kỹ thuật; các vấn đề về phát triển, quản lý đô thị, đặc biệt là ở khu vực các xã.

Ông Nguyễn Tường Văn đề nghị Sở Xây dựng Thanh Hóa tiếp thu đầy đủ những ý kiến đóng góp của các chuyên gia phản biện, các thành viên Hội đồng thẩm định, đồng thời rà soát lại nội dung Đề án, đảm bảo chính xác và đồng nhất các số liệu, hoàn chỉnh Báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng nhất trí thông qua Đề án đề nghị công nhận khu vực thị trấn Lam Sơn - thị trấn Sao Vàng và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV./.

Trần Đình Hà

Hội thảo “Xây dựng đô thị thông minh - hướng đến phát triển bền vững”

Ngày 8/6/2018, tại Hà Nội, Hội Kiến trúc sư Việt Nam phối hợp với Công ty Sơn AkzoNobel - Nhà sản xuất sơn Dulux tổ chức Hội thảo “Xây dựng đô thị thông minh - Hướng đến phát triển bền vững”.

Dự Hội thảo có ông Trần Quốc Thái - Phó Cục trưởng Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng);

ông Larry Ng - Giám đốc Phát triển kiến trúc và thiết kế đô thị, Cục Tái thiết Phát triển đô thị (URA), Bộ Phát triển Quốc gia Singapore; đại diện lãnh đạo Hội Kiến trúc sư Việt Nam; Tổng giám đốc Công ty Sơn AkzoNobel.

Theo tài liệu tại Hội thảo, hiện nay, Việt Nam có 813 đô thị với tỉ lệ đô thị hoá đang tăng

rất nhanh, khoảng 37,5%. Chỉ riêng 2 đô thị đặc biệt là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh đã có dân số đô thị chiếm 30% dân số đô thị trên toàn quốc. Điều này sẽ tạo nên áp lực vô cùng lớn trên hệ thống công trình cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và không gian sống, đòi hỏi các kiến trúc sư, các nhà xây dựng phải nắm bắt, đáp ứng được xu hướng thực tế và nhu cầu sống của cộng đồng. Đây chính là tiền đề cho sự ra đời và phát triển các đô thị thông minh, giúp cộng đồng dân cư phát triển bền vững. Việc lên kế hoạch, nghiên cứu lộ trình và các giải pháp phục vụ cho mục tiêu xây dựng, phát triển các đô thị thông minh và bền vững không chỉ là vấn đề quốc gia mà còn cần có sự đóng góp của cả các doanh nghiệp và người dân.

Phát biểu tại Hội thảo, Ông Larry Ng, Giám đốc Phát triển Kiến trúc và Thiết kế Đô thị, Cục Tái thiết Đô thị (URA), Bộ phát triển Quốc gia Singapore chia sẻ những kinh nghiệm và bài học về các giải pháp xây dựng mô hình đô thị thông minh của Singapore, một trong những quốc gia tiên phong trong ứng dụng giải pháp đô thị thông minh và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Ông Larry Ng cho biết, trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, Singapore quan tâm đặc biệt đến quy hoạch phát triển hệ thống giao thông kết nối giữa các khu vực nội địa cũng như giao thông quốc tế, đồng thời số hóa các công trình xây dựng và lưu trữ toàn bộ số liệu làm cơ sở cho các đơn vị xây dựng quy hoạch, chủ đầu tư cũng như phục vụ các hoạt động cần thiết khác.

Trình bày tham luận tại Hội thảo, ông Trần Quốc Thái, Phó Cục trưởng Cục Phát triển Đô Thị, Bộ Xây Dựng Việt Nam đã nêu lên thực trạng phát triển đô thị Việt Nam hiện nay, nhận thức chung về đô thị thông minh và tiềm năng, lợi thế trong phát triển. Theo đó, một đô thị



Toàn cảnh Hội thảo

thông minh bền vững là một đô thị sáng tạo sử dụng khoa học công nghệ và các phương tiện khác để nâng cao chất lượng cuộc sống, nâng cao hiệu quả vận hành và các dịch vụ cũng như khả năng cạnh tranh của đô thị, đồng thời đảm bảo đáp ứng được nhu cầu của các thế hệ hiện tại và tương lai về kinh tế, xã hội, môi trường.

Theo ông Trần Quốc Thái, Bộ Xây dựng đang xây dựng và đề xuất Thủ tướng Chính phủ Đề án “Phát triển đô thị thông minh Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Đây là Đề án quan trọng của quốc gia, cần sự vào cuộc tích cực của tất cả các Bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là các doanh nghiệp, nhằm thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển đô thị thông minh ở Việt Nam.

Tham dự Hội thảo, các diễn giả và đại biểu đã trao đổi, thảo luận nhiều chủ đề liên quan đến phát triển đô thị thông minh ở Việt Nam, như: Hiện trạng, thách thức trong phát triển đô thị thông minh bền vững ở Việt Nam; năng lực của Việt Nam trong phát triển đô thị thông minh; các ưu tiên cần làm để triển khai thành công dự án đô thị thông minh.

Chia sẻ tại Hội thảo, bà Pamela Phua - Tổng giám đốc Công ty Sơn AkzoNobel Việt Nam cho biết, phát triển bền vững là giá trị cốt lõi của AkzoNobel. Do đó, những sản phẩm mới chuyên nghiệp, đồng bộ và tối ưu của Dulux

Professional sẽ cung cấp cho khách hàng các giải pháp cho nhu cầu phủ sơn trên mọi bề mặt của các dự án, công trình, hướng tới sự an toàn và những lợi ích cũng như sự phát triển bền vững của cộng đồng. Hiện nay, phát triển đô thị thông minh đang là tâm điểm phát triển của Việt Nam. Với mong muốn hướng tới phát triển

đô thị thông minh, ban tổ chức chương trình hy vọng hội thảo sẽ góp phần thúc đẩy sự đổi mới hơn nữa trong lĩnh vực phát triển bền vững tại Việt Nam./.

Trần Đình Hà

Môi trường đô thị hiện nay: Những khái niệm cơ bản, vấn đề và đặc điểm quản lý

Đô thị hiện đại giữ vai trò như "trung tâm phát triển", nơi diễn ra quá trình tập trung nguồn lực tài chính, công nghệ tiên tiến, kết cấu hạ tầng đa dạng, lực lượng cán bộ, chuyên gia được đào tạo tốt và có trình độ chuyên môn cao. Để thu hút được các nguồn lực đó, việc tổ chức môi trường đô thị (sau đây viết là MTĐT) bảo đảm chất lượng trở nên cấp thiết. Tiềm nghi sống và sự định hướng đến các nhóm xã hội khác nhau là một trong những yếu tố rất quan trọng bảo đảm năng lực cạnh tranh của đô thị, các vùng và đất nước nói chung. Thuật ngữ "môi trường đô thị" dưới đây được xem xét theo các cách tiếp cận khác nhau.

MTĐT là cấu trúc không gian vật chất. Thuật ngữ được hiểu là "một môi trường trong đó kết hợp các cấu trúc do con người tạo ra, các công trình xây dựng, các công trình tiện ích và các yếu tố tự nhiên; các công trình và yếu tố nêu trên tuân theo các quy luật sinh thái và xã hội". Các yếu tố tạo nên MTĐT gồm có: Các công trình xây dựng mới, các công trình xây dựng được cải tạo trong môi trường lịch sử, cảnh quan đô thị, cảnh quan thiên nhiên.

MTĐT được xem như không gian chức năng. Cách tiếp cận tập trung nghiên cứu việc lấp đầy không gian đô thị và nhu cầu của người dân. MTĐT được xem như một tập hợp các khu vực tập trung người dân và các chức năng thực hiện. Thêm vào đó, định nghĩa còn bao gồm một "không gian lưu trú", "một chủ thể mang

tính tổng thể, nhỏ gọn, thường xuyên hướng về trung tâm, góp phần hình thành phẩm chất hoàn thiện và tính toàn vẹn của môi trường lịch sử, được xác định bằng phương tiện kiến trúc, cảnh quan và các tiện ích". Theo đặc điểm quy hoạch, có thể phân biệt không gian đi xuyên, khu vực dành cho người đi bộ, hành lang, quảng trường, vườn cây và mái nhà đang được khai thác. Theo dấu hiệu chức năng phân chia ra các loại không gian dành cho người đi bộ như các không gian nghỉ dưỡng, thể thao, thương mại, văn hoá - giải trí và kết hợp. "Không gian truyền thông" thông thường được xem như các mối liên kết mới được hình thành hoặc được hình thành trong quá trình lịch sử giữ vai trò kết nối các công trình khác nhau.

MTĐT được xem như đối tượng của sự quản lý. Thuật ngữ được xem xét từ quan điểm tham chiếu trực tiếp chất lượng quản lý đô thị. Theo đó, MTĐT được xem như "một hệ thống các chính sách phát triển đô thị qua đó đô thị và người dân có thể cạnh tranh trên các thị trường tuyển dụng, hàng hoá, thông tin, dịch vụ ...". Chính quyền đô thị, đồng thời, phải dựa vào lợi ích của các nhóm cư dân đô thị khác nhau, tạo điều kiện cho sự tương tác sáng tạo của các bên liên quan. Ngoài ra, phải tạo ra tiền đề cho sự chuyển đổi không gian đô thị, có thể giữ vai trò là yếu tố kích thích sự thay đổi tích cực với mục tiêu tạo ra MTĐT tiện nghi.

Với các khái niệm nêu trên, có thể kết luận

rằng sự hình thành MTĐT là nhiệm vụ hàng đầu của công tác quản lý đô thị nhằm không chỉ tạo ra nhóm các yếu tố chính trang không thể thiếu (như sự hình thành trên thực tế các dạng kiến trúc nhỏ, các công trình tiện ích, mạng lưới đường - vỉa hè) mà còn là sự hình thành môi trường đa chức năng phục vụ sự lưu trú của các nhóm xã hội khác nhau.

Cách tiếp cận đối với MTĐT nêu trên làm nảy sinh nhu cầu xác định các tiêu chí về chất lượng MTĐT. Hiện nay có nhiều hệ thống đánh giá đã và đang được sử dụng, như hệ thống các tiêu chí đánh giá do Bộ Phát triển vùng của LB Nga ban hành bao gồm các tiêu chí chung đánh giá tính hấp dẫn của đô thị, các tiêu chí do các nước biên soạn và áp dụng như City Blueprint, Giải thưởng Xanh Châu Âu, Chỉ số đô thị Xanh Châu Âu, Chương trình Chỉ số đô thị toàn cầu. Các hệ thống chỉ số khác nhau đều mang các đặc tính khác nhau, nhưng tựu chung các chỉ số đó đều được định hướng vào các nhóm đặc tính cơ bản như: Sinh thái, xã hội và kinh tế. Do đó, việc khảo sát các hệ thống đánh giá đang được áp dụng, có thể nhận thấy rằng MTĐT xét về tổng thể và không gian công cộng đều là đối tượng của sự phát triển kinh tế - xã hội và quản lý. Bản chất hai mặt của việc đánh giá chất lượng MTĐT gắn liền với việc hiểu nó không chỉ như một tập hợp các hàng hoá vật chất cung cấp cho người dân, mà còn như sự tồn tại hài hòa của xã hội đô thị, mức độ xác định tiềm năng của con người được hình thành trong không gian đô thị của cộng đồng dân cư. Như vậy việc đánh giá chất lượng MTĐT góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của đô thị và xây dựng phương hướng chiến lược phát triển dài hạn.

Phần dưới đây sẽ giới thiệu các kinh nghiệm quản lý MTĐT về mặt thể chế của các thành phố ở Canada, Úc, Mỹ và Nhật Bản.

Tại thành phố Toronto (Canada), Sở Quy hoạch đô thị chịu trách nhiệm về sự phát triển của thành phố, do vậy Sở Quy hoạch phối hợp

với các cộng đồng và các Sở, ban ngành khác, đề ra mục tiêu thực tế và soạn thảo chính sách đô thị. Thông thường, các dự án phát triển tiện ích đô thị quy mô lớn nhận được sự tài trợ từ ngân sách hợp nhất và các chương trình của nhà nước. Hình thức đầu tư theo hình thức đối tác Công - Tư cũng được áp dụng. Các dự án nhỏ thì sử dụng vốn ngân sách kể cả vốn tư nhân hoặc theo hình thức đối tác Công - Tư. Một trường hợp đặc trưng về sử dụng vốn tư nhân là đầu tư xây dựng các Khu vực phát triển kinh doanh. Việc phát triển các khu vực đó được ưu tiên khi đầu tư vào các dự án chỉnh trang, sửa chữa hoặc xây tường và hoàn thiện mặt trước của các bất động sản thương mại. Thành phố Toronto hiện đang xây dựng 81 khu vực như vậy. Các dự án thiết kế đường phố ở Toronto được sự hỗ trợ của tài liệu tham khảo trực tuyến "Hướng dẫn cảnh quan đường phố" ("Urban Design Streetscape Manual"). Tài liệu cho phép tất cả người dùng bên ngoài truy cập để tham khảo. Nhà đầu tư phát triển có thể thực hiện dự án theo các khuyến nghị, yêu cầu và phương án chỉnh trang đường phố cụ thể nêu trong tài liệu.

Tại thành phố Melbourne (Úc), việc quản lý các dự án được sự hỗ trợ của hệ thống quản lý bao gồm ba bộ phận là: Nhóm quản lý, bao gồm những người đứng đầu các Sở, ban ngành và các nhà thiết kế chính, Ủy ban điều phối hoạt động chỉnh trang đường phố, bao gồm các chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực, Nhóm khuyến nghị bao gồm các quan chức cao cấp và người đứng đầu các tổ chức bên ngoài. Mặc dù thành phố không nêu ra định hướng chỉnh trang đô thị, tuy nhiên tất cả các biện pháp và các bộ phận của MTĐT đều được đưa vào quy chuẩn và tiêu chuẩn. Sự kết nối chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng trực thuộc Thị trường luôn được quan tâm. Nhóm quản lý chịu trách nhiệm xác định vốn ngân sách dành cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản mà thời gian thực hiện kéo dài nhiều năm. Số vốn đầu tư đó sẽ do

ngân sách thành phố hoặc ngân sách quốc gia cung cấp. Ngân sách dành cho các dự án quy mô nhỏ được xác định bởi Ủy ban điều phối chỉnh trang đô thị và được tài trợ từ ngân sách xây dựng cơ bản của thành phố Melbourne. Công tác sửa chữa định kỳ được ngân sách hiện có của Văn phòng Thị trưởng tài trợ.

Tại thành phố Niu-ooc (Mỹ), hai cơ quan chịu trách nhiệm triển khai các dự án hoàn thiện kết cấu hạ tầng là: Sở Giao thông vận tải và Sở Thiết kế và xây dựng. Sở Giao thông vận tải giữ vai trò then chốt trong việc thực hiện các dự án ngắn hạn, còn Sở Thiết kế và xây dựng điều phối việc thực hiện các dự án lớn có sự phối hợp với Sở Giao thông vận tải. Các dự án chỉnh trang đô thị được ngân sách thành phố tài trợ còn các dự án lớn có thể nhận được sự hỗ trợ từ ngân sách quốc gia và ngân sách bang. Các doanh nghiệp nhỏ được thu hút tham gia thực hiện các dự án nhỏ cải tạo không gian đường phố - đường sá.

Tại Tokyo (Nhật Bản), các dự án phát triển đô thị do Văn phòng Phát triển đô thị quản lý. Luật pháp cho phép người Nhật chỉnh trang khu đất đến mức cao nhất và theo pháp luật ít nhất 20% diện tích của khu đất đang được xây dựng có diện tích trên 1 nghìn mét vuông cần được trồng cây xanh và do sự hạn chế của không gian, việc trồng cây xanh được đưa lên cao hình thành các vườn đứng và trồng cây xanh theo phương thẳng đứng. Ngoài ra, đối thoại với người dân đang được tích cực thực hiện nhằm đạt được sự đồng thuận về danh sách các công việc thực hiện tại những nơi công cộng. Tham gia thực hiện là chính quyền thành phố, các nhà đầu tư phát triển, cộng đồng dân cư địa phương. Chính quyền địa phương có quyền thu các loại thuế phạm vi quận và thành phố để bổ sung ngân sách. Trong trường hợp xảy ra khủng hoảng tài chính, chính quyền địa phương được phát hành trái phiếu đô thị và chính quyền trung ương có thể phân bổ ngân sách lấy từ kho bạc trung ương để hỗ trợ cuộc sống của cộng

đồng. Ngân sách địa phương chi chủ yếu cho hoạt động xây dựng, cải tạo và chỉnh trang khu vực. Việc thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách, sử dụng hình thức đối tác Công-Tư cũng được triển khai một cách mạnh mẽ.

Tiếp theo là kinh nghiệm của các đô thị nước Nga. Các nhiệm vụ cơ bản của công tác quản lý lãnh thổ được phân bổ cho các chủ thể thực hiện: Vì lợi ích của người dân - cần nâng cao chất lượng MTĐT; vì lợi ích của các nhà đầu tư phát triển - cần tăng cường quá trình chuyển hóa bất động sản thành vốn; vì lợi ích của chính quyền - cần thu hút đầu tư tư nhân vào việc giải quyết các vấn đề về chỉnh trang khu vực, phát triển kết cấu hạ tầng, thực hiện các chương trình của nhà nước và của thành phố, giảm căng thẳng xã hội nói chung, tăng tính hấp dẫn đầu tư của khu vực.

Một trong những chương trình quy mô lớn chỉnh trang đồng bộ các khu vực lãnh thổ là dự án "Hình thành môi trường đô thị tiện nghi" được bắt đầu thực hiện vào năm 2016 nhằm tạo điều kiện cho việc nâng cao một cách có hệ thống chất lượng và tiện nghi của MTĐT trên phạm vi cả nước. Các yêu cầu về việc hoàn thiện một cách có hệ thống chất lượng MTĐT đã được nêu ra với các chủ thể. Chương trình nêu trên là hướng cơ bản phát triển và cải tạo đô thị, đồng thời cho thấy sự bất lực của chính quyền địa phương trong việc tự giải quyết các vấn đề tạo ra MTĐT tiện nghi. Cần phải xem xét các nguyên nhân gây ra tình trạng đó.

Hiện nay, ở LB Nga, trong hầu hết các trường hợp, cơ quan quản lý đô thị thực hiện trách nhiệm bảo tồn, duy trì các khu vực lãnh thổ và đang gặp khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ này. Tình trạng ngân sách địa phương thiếu kinh phí dành cho công tác bảo tồn, duy trì và phát triển các tiện ích công cộng đang là vấn đề cần giải quyết trước. Do tầm quan trọng xã hội và phương thức cung cấp miễn phí các dịch vụ đó cho người dân, nên nguồn thu nhập chính của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực này là

ngân sách địa phương. Lưu ý rằng không có sự tách riêng chức năng quản lý và kinh tế trong việc hình thành MTĐT tiện nghi. Với cách tiếp cận quản lý truyền thống, các nhiệm vụ cụ thể của việc sửa chữa định kỳ và sửa chữa lớn, dọn dẹp vệ sinh, thu gom và xử lý rác thải cũng như đáp ứng các yêu cầu về trồng cây xanh, chiếu sáng và chỉnh trang đồng bộ do các đơn vị cung cấp dịch vụ thuộc các ban ngành của thành phố thực hiện, thêm vào đó các đơn vị nêu trên chỉ thực hiện công việc thuộc phạm vi hẹp trách nhiệm của họ, còn toàn bộ các nhiệm vụ thì sẽ do một Sở điều hành. Ví dụ, công việc chỉnh trang khu vực sẽ do các Sở sau đây thực hiện: Tại thành phố Nizhny Novgorod là Sở chỉnh trang và đường bộ; tại thành phố Samara - Sở Đô thị và sinh thái thuộc Chính quyền tỉnh Samara; tại thành phố Novosibirsk - Sở Giao thông vận tải và chỉnh trang đường thuộc Tòa thị chính, tại thành phố Krasnoyarsk - Sở Đô thị. Do đó, công tác chỉnh trang đồng bộ và việc phân bổ ngân sách do các Sở, ban ngành quản lý hoạt động kinh tế đô thị thực hiện. Các Sở, ban ngành đó thường thiếu vắng các chuyên gia có đủ năng lực phát triển MTĐT xét về mặt bảo đảm sự phát triển kinh tế - xã hội, không chỉ xét về việc bảo đảm tiện ích công cộng. Ngoài ra, từ kinh nghiệm phát triển MTĐT tiện nghi cho thấy còn có tình trạng thiếu sự thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách, thiếu sự tham gia của các nhà đầu tư phát triển vào việc phát triển môi trường, chưa thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp. Sự đổi mới trong các lĩnh vực nêu trên tại các thành phố Mátxcova, St. Peterburg và Ekaterinburg cho thấy sự cần thiết phải đổi mới cơ cấu quản lý.

Thành phố Mátxcova là một ví dụ điển hình về công tác quản lý và tổ chức công tác chăm sóc công viên. Ban Tổng giám đốc "Mosgorpark" - là một tổ chức của nhà nước thuộc cơ cấu tổ chức của Sở Văn hoá thành phố Mátxcova có trách nhiệm điều phối các hoạt động chỉnh trang và phát triển các công

viên văn hóa và giải trí của thành phố. Cơ quan này cũng có thẩm quyền điều phối các mối quan hệ tương hỗ giữa các cơ quan hành pháp của Mátxcova, các cơ quan chính quyền địa phương, các pháp nhân và cá nhân, các doanh nghiệp tư nhân đối với các vấn đề về sử dụng và phát triển các khu vực dành cho người đi bộ có ý nghĩa quan trọng chung cho cả thành phố. Sự hình thành các Ban giám đốc độc lập phụ thuộc vào quy mô của khu vực công viên và sự cần thiết thu hút vốn đầu tư ngoài ngân sách. Các tổ chức nêu trên lập kế hoạch doanh thu cho các công viên và xác định quy mô của sự hỗ trợ việc hiện đại hóa kết cấu hạ tầng. Các công viên cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp, cơ quan và tổ chức trong công tác tổ chức các sự kiện, lễ hội, ngày lễ thông qua việc cung cấp kết cấu hạ tầng đã được chuẩn bị sẵn sàng. Trong số các khoản thu của công viên còn có các khoản thu từ việc cung cấp các dịch vụ bổ sung như là sự thay thế cho phí vào cửa: Thuê đất dành cho tổ chức khu vực kinh doanh dịch vụ, thuê trang thiết bị, v.v... Tỷ lệ doanh thu để lại cho công viên bằng trên 50% tổng số tiền mà thành phố chi cho việc bù đắp các chi phí thực hiện các công việc, bao gồm cả việc chỉnh trang. Đến năm 2018 tỷ lệ doanh thu dự kiến sẽ tăng đến 78%. Lưu ý rằng sẽ không đủ khả năng hoàn vốn nếu chỉ dựa vào vốn đầu tư ngoài ngân sách do một số công viên có diện tích rất lớn, chi phí duy trì, chăm sóc công viên quá cao. Điều đó cho thấy cần phải tách công tác quản lý không gian công cộng vào một cơ cấu riêng nhằm giảm gánh nặng cho ngân sách địa phương trong việc bảo tồn, duy trì khu vực lãnh thổ. Từ kinh nghiệm các nước và sự đổi mới được thực hiện tại thủ đô LB Nga, có thể kết luận rằng cần phải xem các nhà đầu tư và các doanh nghiệp như một mắt xích liên kết không thể thiếu vắng trong việc hình thành MTĐT tiện nghi nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách.

Chủ thể thực hiện sự quản lý một cách hiệu

quả trong lĩnh vực này cần có cơ hội xác định phương hướng và các ưu tiên của chính sách kinh tế - xã hội của đô thị, lựa chọn hình thức và phương pháp nhằm sử dụng một cách hiệu quả tiềm năng công nghiệp và khoa học, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, các nguồn lực lao động, vật chất và tài chính của đô thị cho việc bảo đảm sự vận hành thông suốt của hệ thống hỗ trợ cuộc sống và sự phát triển của đô thị, đại diện cho lợi ích của các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang quan tâm đầu tư vào MTĐT. Mỗi cơ cấu nêu trên, cần phải có các bộ phận sau:

- Phòng phân tích tài chính, với nhiệm vụ lập kế hoạch về lợi nhuận, trợ cấp, tính toán chi phí bảo tồn, duy trì, cũng như giao dịch với các pháp nhân để huy động vốn bổ sung và thực hiện các chính sách đối tác Công - Tư trong phạm vi khu vực lãnh thổ theo sự ủy quyền, với các nhóm xã hội và xác định nhu cầu thực hiện công việc chỉnh trang của họ;

- Phòng phát triển MTĐT: Sự thành lập phòng cần thiết cho việc hình thành các khái niệm thiết kế về không gian công cộng, lập đồ án quy hoạch, phát triển các điểm thu hút người dân, thực hiện sự giám sát tác giả;

- Phòng sản xuất và kỹ thuật, có nhiệm vụ tổ chức và kiểm tra giám sát việc bảo tồn, duy trì các khu vực thuộc quyền quản lý của chính quyền thành phố.

Việc nghiên cứu các vấn đề trong lĩnh vực chỉnh trang đô thị cho thấy MTĐT có thể được xem như cấu trúc vật chất, chức năng và đối tượng của sự quản lý.

Việc tham khảo kinh nghiệm các nước cho phép tập trung sự chú ý vào người dân của đô thị với vai trò là đối tượng chính sử dụng các

dịch vụ trong lĩnh vực chỉnh trang đô thị và giúp làm rõ sự vận hành của mắt xích: Chính quyền - Doanh nghiệp - Nhà đầu tư phát triển - Cộng đồng, nhận thức được sự đa dạng trong thực hiện các dự án chỉnh trang và sự quan tâm của các thể chế đối với hình thức tài trợ dự án thông qua ngân sách hợp nhất hoặc ngân sách địa phương tùy theo quy mô của dự án, hình thức đối tác Công - Tư hoặc đầu tư tư nhân.

Việc nghiên cứu kinh nghiệm trong nước cho thấy việc tập trung các chức năng quản lý và kinh tế vào một cơ quan quản lý duy nhất có tác động tiêu cực đến tình trạng đô thị xét về tổng thể, tuy nhiên hiện nay cũng có những ví dụ điển hình về quản lý không gian công cộng.

Phương án được đề xuất về xác định chủ thể quản lý và cơ cấu của chủ thể này có thể giúp cải thiện hình ảnh của các cơ quan trực thuộc chính quyền đô thị; phát triển các địa điểm nghỉ ngơi giải trí mới cho cư dân; tăng thu ngân sách cho đô thị; xây dựng chương trình dài hạn nâng cao chất lượng MTĐT; hình thành MTĐT tiện nghi, có tính đến nhu cầu của các nhóm cư dân; xác định nhu cầu ngân sách cho việc phát triển và duy trì các không gian công cộng, qua đó, sử dụng hợp lý hơn các nguồn vốn, thiết lập sự liên kết trong cộng đồng doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng MTĐT và thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách cho việc chỉnh trang đô thị một cách đồng bộ và giảm gánh nặng cho ngân sách địa phương./.

Pochtovaya A.V.

Nguồn: Tạp chí Những vấn đề kinh tế và quản lý, số 4/2017

ND: Huỳnh Phước

Kính xây dựng - quá khứ, hiện tại và tương lai

Khi phân tích những thành tựu kiến trúc - xây dựng của Liên bang Nga nói riêng và thế giới nói chung, không khó để nhận thấy xu thế sử dụng kính đang gia tăng. Trước đây, kính chỉ

dùng để lắp cho các ô cửa sổ và các kết cấu kính. Hiện nay, kính được xem là một trong những loại vật liệu xây tường và vật liệu trang trí chủ đạo.



Tòa nhà trường ĐHTH Lomonosov - một trong 7 công trình cao tầng biểu tượng của Moskva được xây dựng giữa thế kỷ XX



Trung tâm văn phòng - thương mại La Défense (Paris, Pháp)

Nhiều nghìn năm trước, ở Ai Cập cổ đại, một trong những thành tựu khoa học vĩ đại nhất chính là phát minh ra kính. Kể từ đó, nhờ các đặc tính cơ - lý độc đáo và tính thẩm mỹ, khả năng phản chiếu và được phản chiếu, có thể sơn và tráng, đặc điểm trong suốt (và bóng mờ), khả năng chịu tải trọng lớn trong khi nhẹ và mỏng manh đáng kinh ngạc, kính đã tiến những bước dài vào lĩnh vực kiến trúc và thiết kế hiện đại.

Kiến trúc ở thời kỳ nào cũng là sự phản ánh trực tiếp thời đại, trật tự xã hội, sự phát triển của xã hội và công nghệ giai đoạn đó. Từ giữa thế kỷ XIX, tại Mỹ, châu Âu và Nga, các trung tâm công nghiệp phát triển nhanh chóng, dân số các đô thị gia tăng, và kết quả các đô thị bắt đầu phát triển về chiều cao. Tuy nhiên, các công nghệ và kết cấu xây dựng lạc hậu, chưa có thang máy, do đó các công trình xây dựng không vượt quá 3 - 5 tầng.

Mỹ - quê hương của những tòa tháp chọc trời

Tất cả đã thay đổi khi Elish Otis lần đầu tiên phát minh ra thang máy hơi nước, được lắp đặt năm 1857 trong tòa nhà hành chính của New York. Với phát minh này, ông trở thành một trong những người đầu tiên mở ra triển vọng tăng số tầng của các công trình xây dựng.

Một động lực mạnh mẽ thúc đẩy việc tăng chiều cao của các công trình là xây dựng khung

với các quy tắc cơ bản được nghiên cứu và phát triển vào thập niên 70 - 80 thế kỷ XIX. Năm 1851, kiến trúc sư Joseph Paxton đã thiết kế gian hàng Crystal Palace cho Triển lãm Thế giới London. Sự xuất hiện công trình này có thể coi là khởi nguyên phát triển của kiến trúc kính hiện đại. Để đạt mức độ trong suốt của gian triển lãm lớn nhất vào thời điểm đó, J. Paxton đã quyết định từ bỏ các cửa sổ truyền thống. Tải trọng cơ bản của công trình đặt lên bộ khung - điều này khác hoàn toàn với các bức tường chịu lực vốn quen thuộc trong xây dựng thời kỳ này. Về mặt kết cấu mà nói, độ dày của các tường đã không còn ý nghĩa về cường độ.

Nước Mỹ, cụ thể là thành phố Chicago, có thể được coi là quê hương của các tòa nhà chọc trời. Sau vụ hỏa hoạn năm 1871 với gần như toàn bộ khu vực trung tâm thành phố Chicago cũ bị hủy hoại, vào năm 1884 tại đây, kiến trúc sư William de Baron Jenney đã xây dựng tòa nhà khung đầu tiên. Tòa nhà thuộc về một hãng bảo hiểm Mỹ và có chín tầng. Các kết cấu thép và bê tông cốt thép, các yếu tố lắp ghép của các tường ngoài không chịu lực, các phương pháp tiên tiến để sưởi ấm và thông gió thông khí được áp dụng đã tạo tiền đề cho các mặt dựng module lắp kính.

Sang thập niên 20 - 30 thế kỷ XX, cùng với những thay đổi căn bản trong quan điểm thẩm mỹ đô thị vốn đã tồn tại hàng thế kỷ, cơ cấu



Phòng trưng bày nghệ thuật Stuttgart (Đức) có hình thức một khối lập phương bằng kính chức năng - kỹ thuật, cơ cấu không gian kiến trúc và hình ảnh nghệ thuật của thành phố cũng bắt đầu thay đổi.

Lịch sử phát triển quy hoạch đô thị cho thấy: Những thay đổi quan trọng nhất trong kiến trúc của các thành phố thường diễn ra khi các hệ thống chính trị và nghệ thuật - triết học thay đổi, do đó gần như là một sự thay đổi phong cách. Dáng vẻ bề ngoài của các tòa tháp chọc trời xuất hiện nửa đầu thế kỷ XX ở Mỹ về mặt kiến trúc không giống với bất cứ tòa nhà nào cuối thế kỷ XIX và cả các tòa nhà hiện đại hiện nay. Các công trình đó hoàn toàn khác biệt về trang trí, đa tầng, đa bậc, trong đó giảm dần khối lượng từ tầng thấp hơn đến tầng trên cao hơn. Trong kiến trúc của các công trình này có một phần cảm hứng từ kiến trúc Gothic, và kính chưa được sử dụng nhiều.

Sự phát triển công nghiệp tài chính của New York kéo theo sự xuất hiện nhanh chóng các tòa tháp chọc trời, tượng trưng cho sự giàu có và thịnh vượng của các doanh nghiệp, các công ty lớn. Một số công trình tiêu biểu được xây dựng thời kỳ này:

- Woolworth Building tại New York của kiến trúc sư Gus Gulbert (1913), cao 242m, theo đơn đặt hàng của triệu phú truyền thông Frank Woolworth;
- Tòa nhà của công ty Chrysler, kiến trúc sư William Van Allen (1930);
- Tòa nhà ngân hàng Manhattan;



Trung tâm thương mại trên phố đi bộ ở Vienna (Áo) với mặt dựng kính phản chiếu nhà thờ St. Stefan

- Tòa tháp chọc trời nổi tiếng Empire State ở New York - tác phẩm của R. Shreve, Lamb, W., A. Harmon, cao 391m với 102 tầng...

Trên thực tế vào giữa thế kỷ XX, nước Mỹ đã định hình nguyên mẫu cho các tòa nhà chọc trời ngày nay. Kiến trúc các tòa nhà cao tầng thập niên 1950 - 1970 trở nên "cô đọng" và đơn giản hơn, mang dáng dấp các hình hộp và lăng trụ bằng kính vươn lên trên bầu trời. Chính từ thời điểm này, kính trong kiến trúc đã đóng vai trò là một loại vật liệu làm tường; các đặc tính thẩm mỹ của các công trình, giải pháp sắc màu tùy thuộc rất nhiều vào kính. Những ví dụ kinh điển là các tòa nhà ở tại Lake Shore Drive (Chicago), Sigram, Chase Manhattan Plaza, Met Life Building (New York).

Tới thập niên 80 thế kỷ XX, kiến trúc các tòa nhà cao tầng trở nên đa dạng hơn. Từ những trung tâm văn phòng hay khu căn hộ, các tòa nhà phát triển thành những khu phức hợp đa năng, bao gồm các trung tâm mua sắm, rạp chiếu phim, hồ bơi, khách sạn, nhà hàng và quán bar. Đồng thời, sự xuất hiện của thang máy tốc độ cao cho phép chinh phục các độ cao chóng mặt. Trong khi đó, châu Âu bảo thủ không muốn mất đi truyền thống lịch sử của mình một cách chóng vánh. Chỉ tại một số quốc gia châu Âu có nền kinh tế và tài chính phát triển nhanh nhất mới xuất hiện các tòa nhà cao tầng, trước hết là tại Đức (Frankfurt am Main), Vương quốc Anh (London), Pháp (Paris), Tây

Ban Nha (Madrid).

Sự ra đời và phát triển xây dựng cao tầng tại Liên bang Nga

Có thể coi những năm 1920 -1930 là thời kỳ khai sinh xây dựng cao tầng của Nga. Tuy nhiên, nhiều dự án nhà cao tầng của những năm đó không thành hiện thực. Chủ nghĩa kết cấu của Moskva được đặc trưng bởi sự đơn giản trong hình thức, màu sắc và xu thế phát triển về chiều cao.

Xây dựng cao tầng tại Liên Xô, cụ thể tại Thủ đô Moskva chính thức ra đời những năm sau chiến tranh. Tuy vậy, một số thiết kế tòa nhà cao tầng đầu tiên đã được nghiên cứu từ trước đó rất lâu, do chiến tranh xảy ra nên không thể thực hiện. Có lẽ đó là lý do tại sao sau ngày chiến thắng, một dự án tổ hợp các tòa nhà chọc trời đã ra đời, nơi phong cách của chủ nghĩa hàn lâm thời hậu chiến phát triển một cách trọn vẹn. Trong giai đoạn này, xu thế đại diện tư tưởng của kiến trúc tăng cao. Bố cục của các tòa nhà cao tầng thời kỳ này đều được định hướng theo xu thế đó.

Cấu trúc đường tròn xuyên tâm của Moskva khi đó được nhấn mạnh bằng một “vòng cung” của 08 tòa tháp chọc trời, làm nổi bật các quảng trường chính và nút giao của các đường phố xuyên tâm với vòng cung đó. Tất cả 08 tòa nhà chọc trời (trên thực tế xây dựng 07) đã lần lượt xuất hiện quanh dịp kỷ niệm Moskva tròn 800 tuổi (năm 1947). Các kiến trúc sư tên tuổi nhất của thời kỳ này đã tham gia vào việc thiết kế các tòa nhà - B. Iofan, V. Gelfreich, D. Chechulin, A. Dushkin, M. Posokhin, A. Mordvinov.

Trong quá trình xây dựng, kiến trúc và số tầng của các tòa nhà liên tục thay đổi, và không phải tất cả thiết kế đều thành hiện thực dù đã được phê duyệt. Điều thú vị nhất nằm ở các khía cạnh nghệ thuật - bố cục trong kiến trúc các công trình này:

- Tất cả các tòa nhà được hướng lên cao, đều có các tầng bậc theo chiều cao, do đó rất

giống với các tòa nhà chọc trời kiểu Mỹ trong những năm 20 - 30 thế kỷ XX;

- Tất cả các tòa nhà đều có các đỉnh nhọn bằng kính mạ kim và kim loại.

Như vậy, trong kiến trúc mới hình thành rõ ràng ba bộ phận trên cùng một nền tảng, một bộ khung đa tầng phức tạp và có “đoạn kết”. Giải pháp màu sắc của các tòa nhà cao tầng được xác định bởi các khối gạch ốp sáng màu, kèm các yếu tố trang trí và một lượng kính rất lớn. Bấy tòa nhà chọc trời đã trở thành biểu tượng độc đáo của Moskva vào đầu những năm 1950.

Những tòa nhà kính hiện đại

Hiện nay, với vai trò là vật liệu xây tường cơ bản của các tòa nhà chọc trời mới, kính không thể thiếu trong các công trình xây dựng cao tầng.

Giai đoạn 1970 - 1990 được xem như thời kỳ mới trong sự phát triển và xây dựng các tòa nhà cao tầng trên thế giới, với sự “bùng tỉnh” của châu Âu.

Tại Paris, cuối những năm 1950, một trung tâm thương mại lớn được triển khai xây dựng gần khu vực Quảng trường Défense - địa danh về sau đã trở thành nổi tiếng khắp thế giới. Khu phức hợp gồm gần 30 tòa nhà chọc trời, lần đầu tiên được thiết kế thành quần thể công trình đô thị thống nhất. Nhờ bố cục kết nối bài bản, nhờ sự hiện hữu của quảng trường bên trong cũng như các giải pháp kiến trúc đặc trưng của từng tòa nhà, cả tổ hợp dường như thành một thể hợp nhất, trong đó mỗi tòa nhà vẫn giữ vẻ thanh lịch và tính nghệ thuật của mình. Ở đây, việc áp dụng thành công các loại kính khác nhau có ý nghĩa hết sức quan trọng, cả về tính thẩm mỹ cũng như các đặc tính kỹ thuật.

Vào cuối thế kỷ XX tại Paris cũng xuất hiện nhiều tổ hợp khác - trung tâm thương mại cao tầng của Montparnasse (các kiến trúc sư E. Buduen, J. Dyubyuisson, R. Lopez), tổ hợp nhà ở và công trình công cộng “Front of the Seine” (các kiến trúc sư R. Lopez, A. Pottier)...

Tại London (Vương quốc Anh), khu London City, khu thương mại Canary Wharf bắt đầu

“phát triển chiều cao”. Tại Berlin và Frankfurt am Main (CHLB Đức), Madrid (Tây Ban Nha), các tòa nhà của các ngân hàng và tập đoàn tài chính dần vươn cao.

Diện mạo kiến trúc và sự hài hòa màu sắc vốn có của các thành phố châu Âu đang dần mất đi tính toàn vẹn. Vấn đề làm thế nào để hình ảnh kiến trúc mới hài hòa với quần thể các đô thị lịch sử sẵn có phát sinh.

Vào cuối thế kỷ XX, tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng đã được ghi nhận tại tất cả các nước châu Âu, Mỹ, đặc biệt ở các nước Đông Nam Á - nơi bùng nổ xây dựng cao tầng. Sắc màu của các công trình này - về nguyên tắc - được xác định bởi màu của kính, các chi tiết kim loại, và được lựa chọn cho từng tòa nhà riêng biệt mà thường không xét tới các công trình xung quanh.

Một thủ pháp nghệ thuật khá thú vị là đưa các họa tiết lên mặt dựng của các tòa nhà bằng cách xen kẽ các loại kính khác nhau hoặc kết hợp các vật liệu trang trí khác nhau. Có thể lấy tòa tháp St. Magou Ahe mới tại London City (kiến trúc sư N. Foster), Central Plaza (kiến trúc sư D. Lau và N. Chun Mang), Bank of Chine Tower (kiến trúc sư I. Pei) ở Hồng Kông làm ví dụ.

Tuy nhiên, trong kiến trúc của nhiều tòa nhà chọc trời mới, truyền thống dân tộc vẫn được thể hiện rõ. Ví dụ, trong bức tranh toàn cảnh Thượng Hải có những khối nhà cao tầng được phân biệt rất rõ với các đỉnh lầy cảm hứng theo mô típ Trung Hoa.

Các siêu đô thị sẽ phát triển chiều cao

Tháp đôi Petronas Malaysia cao 452 m (1998) giữ kỷ lục thế giới trong vòng 6 năm. Sáu năm sau, ngưỡng độ cao đó đã bị chinh phục. Tại thủ phủ Đài Bắc của Đài Loan, tháp Kolos vươn lên năm 2004, được coi là tòa tháp cao nhất. Tiếp sau đó, tháp Burj Khalifa (UAE) được xây dựng với tổng chiều cao 828m, tòa nhà chọc trời Abraj Al Bait Tower tại Ả Rập Xê út, độ cao tương đương đã nhanh chóng “soán ngôi” quán quân.

Moskva cũng đang phát triển chiều cao một cách nhanh chóng. Phần hữu cơ trong cấu trúc quy hoạch đô thị là các tòa nhà từ 30 tầng trở lên. Tòa nhà chọc trời đầu tiên của Moskva - tòa nhà văn phòng Gazprom - đã được xây hơn 15 năm trước. Dự án Moskva - City thoát tiên có vẻ là một sự nóng vội, nhưng giờ đây đã chứng tỏ là một dự án tầm cỡ, có một không hai của Thủ đô. Với sự xuất hiện của tổ hợp Moskva – City, Moskva đã và đang trở thành một trong những cụm đô thị phát triển của thế giới như Tokyo, Paris, London và New York.

Các phương pháp nghệ thuật với kính

Khi thay đổi mục đích chức năng, các yêu cầu đối với kính như một vật liệu xây các mặt dựng, có thể tham gia tạo hình ảnh nghệ thuật không chỉ của một công trình đơn lẻ mà cả thành phố nói chung, cũng thay đổi theo. Không chỉ các đặc tính kỹ thuật mà cả phẩm chất trang trí của kính trở thành yếu tố quan trọng.

Những năm gần đây, nhiều thủ pháp nghệ thuật xử lý kính với mục đích trang trí đã xuất hiện. Nhờ kính, các kiến trúc sư có thể tạo ra những quần thể nghệ thuật thực sự mà không phá vỡ nét độc đáo của các thành phố, duy trì văn hóa sắc màu của quá khứ đồng thời biến văn hóa đó thành các hình thức và vật liệu hiện đại. Một số công trình sau đây thể hiện ý tưởng này rất rõ:

- Tổ hợp Potsdamer-Platz ở Berlin (Đức), bao gồm các tòa nhà cao tầng sử dụng kính màu;
- Tổ hợp Défense ở Paris (Pháp) với tháp Gan từ các tấm kính màu xanh lá cây trong các kết cấu màu đen, và tháp Manhattan với các mặt dựng bằng kính gương;
- Trung tâm mới Thượng Hải (Trung Quốc) và các tòa nhà chọc trời đầy màu sắc tại Dubai (UAE).

Ở đây, các giải pháp khác nhau trong ứng dụng ma trận Stencil đặc biệt hiệu quả, tạo ra hiệu ứng ảo ảnh độc đáo trên các mặt dựng và bên trong các tòa nhà.

Phòng trưng bày nghệ thuật mới ở Stuttgart

(Đức) được thực hiện từ kính và ứng dụng kỹ thuật in lụa - công trình là một trong những biến tấu độc đáo cho chủ đề "kính và kim loại". Xét về góc độ kỹ thuật, điều thú vị là công trình (có hình dạng một khối hộp bằng kính khổng lồ) không chỉ có lớp vỏ ngoài mà toàn bộ các kết cấu chịu lực - dầm, cột và giá treo - đều bằng kính. Mặc dù kích thước khá lớn, tòa nhà trông vẫn rất thanh thoát và hài hòa với không gian lịch sử xung quanh.

Trên những mặt phẳng của các mặt dựng của khối hộp, bằng thủ pháp in lụa, các dải theo phương nằm ngang được tạo nên. Các dải đó không chỉ thực hiện chức năng trang trí mà còn phân định ranh giới trực quan của các kết cấu bao che. Bề rộng của các dải giảm dần khi lên cao, và trên tầng cao nhất hoàn toàn không có. Phần trên cao của tòa nhà trông hoàn toàn trong suốt và "hòa tan" vào bầu trời xanh.

Ngoài ra, các cửa ra vào, vách ngăn, cầu thang, sàn và mái nhà đều được làm bằng kính. Điều đó đã chứng minh khả năng xây dựng và thẩm mỹ gần như vô hạn của kính hiện đại.

Khả năng trang trí độc đáo của công nghệ in lụa lên kính cũng được áp dụng trên các mặt dựng của tổ hợp văn phòng - khách sạn Mediapark tại Cologne (Pháp). Kỹ thuật in tranh trên mặt dựng bằng kính là những mô phỏng đầy sức thuyết phục hình bóng những đám mây, máy bay đang bay và cả nhà thờ Cologne (trong khi đó, trên thực tế, nhà thờ cách đó rất xa, do đó không thể được phản chiếu trên các bức tường của tòa nhà). Tất cả những gì phản chiếu trên tường du khách chỉ có thể đoán ra khi tới gần và thấy hình ảnh được chia thành những kết cấu, và sau đó không hề bị méo mó mà vẫn tiếp tục trên tấm kính liền kề. Khi quan sát gần các mặt phẳng lắp kính từ bên trong, khách tham quan sẽ hiểu làm thế nào để có thể tạo hình ảnh.

Cần lưu ý rằng kỹ thuật in lụa không chỉ là một yếu tố trang trí mà còn là một yếu tố chức năng của kiến trúc hiện đại. Nhờ đó, các nhà

thiết kế có thể giải quyết các vấn đề hạn chế tác động của ánh mặt trời, phân định ranh giới trực quan của tòa nhà, tăng tuổi thọ của kính và nhiều chức năng khác.

Bức tranh toàn cảnh và những hình ảnh thực sự tuyệt vời sẽ xuất hiện trên bề mặt của các mặt dựng nếu sử dụng kính có hiệu ứng phản chiếu. Phương pháp này cũng thích hợp để tạo những bức tranh toàn cảnh lớn trên các mặt dựng kéo dài của tòa nhà, và là giải pháp hài hòa không gian các đường phố và quảng trường lịch sử khi đưa các công trình mới vào cảnh quan vốn có của thành phố. Khi được bố trí hợp lý, các công trình mới sẽ hòa hợp với các công trình xung quanh.

Có rất nhiều ví dụ khác nhau. Một tòa nhà văn phòng - thương mại được bố trí thành công trên phố đi bộ ở Vienna (Áo) khi sử dụng kính tối màu. Trong các ô kính của tòa nhà đều phản chiếu một nhà thờ cổ kính. Chức năng phản chiếu được vận dụng như một hình thức định hướng độc đáo trên phố, bởi vì suốt chiều dài con phố đó cũng không thể nhìn thấy nhà thờ. Hình ảnh phản chiếu một tòa nhà lịch sử bên bờ sông Thames (London) tạo ra ảo ảnh một quảng trường lớn phía trước tổ hợp mới được xây dựng, khiến không gian đô thị dường như được mở rộng hơn.

Qua những ví dụ trên đây, có thể khẳng định sự cần thiết phải nghiên cứu kính - về cả ý nghĩa kiến trúc và nghệ thuật, bởi ngày càng có nhiều tòa nhà hiện đại vươn cao trên các đường phố của các thành phố toàn thế giới, với những mặt dựng được làm bằng kính. Kính chính là một trong những yếu tố cơ bản của kiến trúc hiện đại, góp phần tạo diện mạo xinh đẹp hơn, hấp dẫn hơn cho các đô thị./.

N. Sergueva

Nguồn: Tạp chí AVOK số 1/2018

ND: Lê Minh

Thành phố Trịnh Châu, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc: 10 động thái chính sách thúc đẩy ngành Xây dựng chuyển đổi nâng cấp

1. Quy hoạch xây dựng khu công nghiệp xây dựng hiện đại

Để thúc đẩy chuyển đổi nâng cấp ngành xây dựng, toàn thành phố Trịnh Châu đã thống nhất bố cục, trong 3 năm tới thành phố sẽ quy hoạch 3 - 4 khu công nghiệp xây dựng với quy mô 2000 mẫu, trọng điểm xây dựng các cơ sở sản xuất công trình lắp ghép, khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng các vật liệu mới, công nghệ mới để phát triển chuyên sâu, quy mô hóa, hoàn thiện đồng bộ chuỗi ngành công nghiệp trên dưới. Khu công nghiệp xây dựng có thể đồng thời hưởng các chính sách ưu đãi của khu công nghiệp và khu công nghiệp công nghệ cao.

2. Phát triển kinh tế toàn ngành xây dựng

Các doanh nghiệp ngành xây dựng có năng lực cấp đặc biệt, các doanh nghiệp có thiết kế tổng hợp hạng A hoặc doanh nghiệp xây dựng có giá trị sản lượng năm trên 10 tỷ NDT xây dựng trụ sở chính tại Trịnh Châu có đất sử dụng cho xây dựng văn phòng trụ sở chính và đào tạo nghiên cứu khoa học sẽ được sắp xếp theo tính chất sử dụng đất công nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp tổng thầu thi công ngoại tỉnh có năng lực từ cấp 1 trở lên chuyển tới Trịnh Châu hoặc thiết lập công ty chi nhánh hợp pháp độc lập từ cấp 1 trở lên tại Trịnh Châu. Doanh nghiệp có năng lực cấp đặc biệt trong 3 năm có tổng giá trị sản lượng năm đạt 10 tỷ NDT sẽ được thưởng 10 triệu NDT trong một lần. Doanh nghiệp tổng thầu cấp 1 chuyển vào thành phố Trịnh Châu trong 3 năm có giá trị sản lượng năm đạt 5 tỷ NDT sẽ được thưởng 5 triệu NDT trong một lần. Trụ sở chính đơn vị

thiết kế có năng lực tổng hợp hạng A và năng lực ngành hạng A chuyển vào thành phố Trịnh Châu có thể được hưởng các đãi ngộ giống các doanh nghiệp xây dựng chuyển vào có năng lực từ cấp 1 trở lên, trong 3 năm có giá trị sản lượng đạt 500 triệu NDT sẽ được thưởng 2 triệu NDT trong một lần.

3. Thúc đẩy hợp tác liên doanh giữa các doanh nghiệp xây dựng

Chính quyền đầu tư các dự án công ích sử dụng các mô hình như EPC, PPP... để đầu tư xây dựng, trong điều kiện tương tự ưu tiên các doanh nghiệp tập đoàn quy mô lớn tại địa phương hoặc các thể liên kết doanh nghiệp. Dự án đầu tư xây dựng theo mô hình EPC, PPP... nên xem xét các điều kiện thuận lợi về khu vực của doanh nghiệp xây dựng trong các phương diện như đội ngũ lao động, vật liệu, thiết bị..., trong điều kiện tương tự ưu tiên doanh nghiệp xây dựng địa phương đảm nhận thi công xây dựng. Khuyến khích các doanh nghiệp ngoài địa phương và các doanh nghiệp xây dựng bản địa kết hợp xây dựng công ty dự án dạng cổ phần và tham gia đầu tư xây dựng theo mô hình EPC, PPP..., doanh nghiệp địa phương có mức quyền cổ phần không nhỏ hơn 35% hoặc đảm nhận lượng công trình không ít hơn 50% chi phí công trình, có thể hưởng các chính sách ưu đãi có liên quan của doanh nghiệp xây dựng địa phương.

4. Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng ưu tú phát triển quy mô

Trịnh Châu tăng cường quản lý gọi thầu các dự án đầu tư chính phủ, áp dụng kết quả xếp loại cấp tín dụng doanh nghiệp xây dựng, lựa chọn một số lượng nhất định các doanh nghiệp

cốt cát có uy tín tốt, thực lực mạnh, đưa vào kho danh sách các nhà thầu ưu tú được chọn sẵn vào các dự án đầu tư của chính phủ. Dự án đầu tư chính phủ hoặc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, trong điều kiện giống nhau có thể ưu tiên lựa chọn người đầu thầu từ trong kho danh sách. Kích lệ lựa chọn nhà thầu trong kho danh sách đã chọn sẵn tham gia dự án đầu tư xã hội.

5. Kích lệ doanh nghiệp xây dựng nâng cấp năng lực

Thành phố Trịnh Châu có mức thưởng 3 triệu NDT dành cho các doanh nghiệp tổng thầu thi công nâng cấp lên cấp đặc biệt, doanh nghiệp thiết kế nâng cấp lên hạng A tổng hợp. Doanh nghiệp giám sát công trình nâng cấp năng lực tổng hợp được thành phố thưởng 500 nghìn NDT. Doanh nghiệp ngành xây dựng lần đầu nâng cấp năng lực tổng thầu thi công cấp 1 và doanh nghiệp thiết kế lần đầu nâng cấp lên hạng A của ngành sẽ được thành phố thưởng 300 nghìn NDT.

6. Kích lệ doanh nghiệp xây dựng tăng sản lượng và thu nhập

Doanh nghiệp xây dựng có giá trị sản lượng năm từ 10 tỷ NDT trở lên hoặc mức thuế nộp hàng năm từ 300 triệu NDT trở lên mỗi năm sẽ được thành phố Trịnh Châu thưởng 1 triệu NDT trong 1 lần. Doanh nghiệp có giá trị sản lượng năm từ 5 tỷ NDT trở lên hoặc mức thuế nộp mỗi năm từ 150 triệu NDT trở lên sẽ được thành phố thưởng 500 nghìn NDT. Doanh nghiệp có giá trị sản lượng từ 2 tỷ NDT trở lên hoặc mức thuế nộp hàng năm từ 60 triệu NDT trở lên sẽ được thành phố thưởng 100 nghìn NDT. Đối với 10 doanh nghiệp xây dựng đầu tiên nộp thuế năm, doanh nghiệp nào có mức thuế nộp vượt 20% so với năm trước sẽ được tăng thưởng lên 1 triệu NDT một lần trong năm đó.

7. Tích cực bồi dưỡng các doanh nghiệp

lớn, tập đoàn lớn

Đối với các doanh nghiệp lần đầu được chọn vào danh sách 500 doanh nghiệp lớn mạnh của Trung Quốc, 100 doanh nghiệp có thực lực tổng hợp mạnh trong ngành xây dựng Trung Quốc hoặc doanh nghiệp xây dựng thành phố Trịnh Châu có vị trí xếp hạng cao hơn 5 vị trí so với năm trước sẽ được thưởng 1 triệu NDT trong một lần. Đối với doanh nghiệp lần đầu có giá trị sản lượng năm trên 1 tỷ NDT và doanh nghiệp sản xuất công nghiệp mới có cơ sở sản xuất lắp ghép có giá trị sản lượng năm là 5 tỷ NDT sẽ lần lượt được thưởng 500 nghìn NDT và 1 triệu NDT trong 1 lần.

8. Kích lệ doanh nghiệp xây dựng phấn đấu đi lên

Thành phố Trịnh Châu đều có mức thưởng cho các doanh nghiệp ngành xây dựng đạt các giải thưởng ngành của quốc gia như “Giải thưởng Lỗ Ban”, “Giải thưởng cúp vàng thành phố”... Các giải thưởng của nhà nước, của tỉnh và thành phố mà doanh nghiệp nhận được sẽ là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá tín dụng doanh nghiệp xây dựng.

9. Kích lệ doanh nghiệp xây dựng mở rộng phạm vi kinh doanh

Thực thi chiến lược phát triển, phát huy ưu thế chiến lược của thành phố Trịnh Châu, kích lệ các doanh nghiệp xây dựng có năng lực nghiệp vụ tại nước ngoài dẫn dắt các doanh nghiệp khác kinh doanh tại nước ngoài. Khuyến khích các doanh nghiệp cốt cán phát triển theo hướng tổng thầu công trình, hướng dẫn phát triển theo phương thức tập đoàn hóa thông qua sát nhập, chia sẻ cổ phần..., phát triển theo hướng công nghiệp kỹ thuật cao và ngành công nghiệp có ưu thế.

10. Thúc đẩy hợp tác chiến lược giữa ngân hàng và doanh nghiệp, xây dựng kênh kết nối giữa doanh nghiệp xây dựng và cơ

cấu tài chính như ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán...

Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng triển khai thể liên hợp đầu tư tài chính dự án, cho vay và xây dựng, mở rộng vận dụng bảo lãnh ngân hàng, tín dụng công trình hoặc bảo hiểm công trình, giảm gánh nặng về nguồn vốn lưu động cho doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp trọng điểm có thực lực mạnh của thành phố Trịnh Châu, khuyến khích các cơ cấu tài chính có thể nâng cao hạn mức tín dụng tương ứng, giảm ban hành điều kiện bảo lãnh, cung cấp

cho vay trung hạn và dài hạn bằng nhân dân tệ và cho vay chu chuyển bằng ngoại hối. Cho phép các doanh nghiệp xây dựng triển khai thể chấp tài chính đối với vật liệu xây dựng, thiết bị công trình và công trình đang xây và cam kết tài chính đối với các khoản phải thu, vốn chủ sở hữu, quyền thương hiệu, bằng sáng chế./.

Vương Phóng

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc,
số 18/2017*

ND: Kim Nhạn

HỘI THẢO THAM VẤN CUỐI KỲ “NGHIÊN CỨU THÍ ĐIỂM PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA GIÁM SÁT NƯỚC THẢI”

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2018



Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Mai Thị Liên Hương phát biểu khai mạc Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo